



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

25 năm

XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN

**NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - ĐHQGHN**

20 NĂM

**TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
TÀI NGUYÊN
& MÔI TRƯỜNG**

1985



20 NĂM

**TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
TÀI NGUYÊN
& MÔI TRƯỜNG**

2005



LỜI GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập từ năm 1985. Năm 1995, CRES tái cơ cấu tổ chức lại trên cơ sở Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Tổng hợp Hà Nội (1985) và Trung tâm Nghiên cứu Hệ Sinh thái Rừng Ngập mặn (MERD), Đại học Sư phạm Hà Nội I (1987). Từ khi thành lập đến nay, CRES đã trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu và đào tạo về tài nguyên và môi trường chất lượng cao hàng đầu của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Sau 25 năm phát triển, CRES đã đạt được những thành tựu quan trọng trong 4 lĩnh vực chính, bao gồm nghiên cứu, đào tạo, tư vấn và dịch vụ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

CRES đã tham gia tích cực vào các hoạt động sau: (i) xây dựng các luật định, các chiến lược quốc gia và kế hoạch hành động về tài nguyên và môi trường; (ii) thực hiện các dự án /chương trình trong nước và hợp tác quốc tế; (iii) tổ chức các khoá tập huấn ngắn và dài hạn cho các nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm các nhà hoạch định chính sách từ tất cả các tỉnh thành trong cả nước, và đặc biệt gần đây là chương trình thạc sĩ và tiến sĩ về Môi trường trong Phát triển bền vững. Những hoạt động này đã góp phần quan trọng vào lộ trình nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững mà Chương trình Nghị sự 21 đã đề ra.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của Đại học Quốc gia Hà Nội, CRES đã và đang tự hoàn thiện mình về mặt tổ chức và quản lý và CRES tin chắc rằng với những thành tích đã đạt được từ giai đoạn trước, và với cơ chế tự hoạch toán hiện nay, Trung tâm sẽ vững bước trở thành một đơn vị liên ngành có trình độ về khoa học và công nghệ cao.

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập, Trung tâm xin giới thiệu với bạn đọc 3 ấn phẩm sau:

- Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường - 25 năm xây dựng và phát triển.
- Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ II - Môi trường và Phát triển Bền vững.
- Danh mục các công trình khoa học 1985 - 2010.

Cũng nhân dịp này tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới lãnh đạo Đại học Quốc gia Hà Nội và các ban ngành, đoàn thể đã chỉ đạo và hỗ trợ Trung tâm kịp thời; tới các bộ, ngành liên quan, tới các đồng chí lãnh đạo và cộng đồng địa phương, tới các trường đại học, viện nghiên cứu và các cán bộ khoa học đã hỗ trợ và hợp tác với chúng tôi thực hiện các dự án nghiên cứu cũng như là các hoạt động đào tạo. Tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học quốc tế đã tài trợ và hợp tác với chúng tôi. Nếu không có sự hỗ trợ và hợp tác này có lẽ chúng tôi đã không thể đạt được những thành tựu như ngày hôm nay.

Tháng 11/ 2010

TS. Hoàng Văn Thắng

Giám đốc CRES

BAN LÃNH ĐẠO CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUA CÁC GIAI ĐOẠN



GS.TS.NGŨT. Võ Quý



GS.TS. Lê Trọng Cúc



GS.TSKH. Trương Quang Học



GS.TSKH.NGND. Phan Nguyên Hồng



PGS.TS. Phạm Bình Quyền

Giai đoạn 1985 - 1995

GS.TS. Võ Quý - Giám đốc
GS.TS. Lê Trọng Cúc - Phó giám đốc
PGS.TS. Phạm Bình Quyền - Phó giám đốc

Giai đoạn 1996 - 2001

GS.TS. Lê Trọng Cúc - Giám đốc
PGS.TS. Phạm Bình Quyền - Phó giám đốc
GS.TSKH. Phan Nguyên Hồng - Phó giám đốc

Giai đoạn 2001 - 2006

GS.TSKH. Trương Quang Học - Giám đốc
TS. Võ Thanh Sơn - Phó giám đốc
TS. Hoàng Văn Thắng - Phó giám đốc

Giai đoạn 2006 - 2011

TS. Hoàng Văn Thắng - Giám đốc
TS. Võ Thanh Sơn - Phó giám đốc

BAN GIÁM ĐỐC HIỆN TẠI



TS. Hoàng Văn Thắng - Giám đốc



TS. Võ Thanh Sơn - Phó giám đốc



PHẦN I

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường là đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Trung tâm được thành lập năm 1995, trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1985) và Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn, Đại học Sư phạm Hà Nội (1987).

SỨ MỆNH, TÂM NHÌN VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Sứ mệnh

Trở thành cơ quan đầu mối liên kết các hoạt động khoa học - công nghệ và đào tạo, tư vấn thực hiện các hoạt động quan trọng mang tính chiến lược về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Thúc đẩy sự hợp tác quốc gia và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi thông tin, các hoạt động khác có liên quan.

Tâm nhìn

Trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo, tư vấn và dịch vụ hàng đầu về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững của Việt Nam.

Các định hướng ưu tiên

Phát huy vai trò là đầu mối liên kết giữa các đơn vị nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan trong và ngoài ĐHQGHN;

Nghiên cứu liên ngành về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững và hoạch định chính sách với cách tiếp cận dựa trên hệ sinh thái và vào cộng đồng;

Hỗ trợ và triển khai có hiệu quả cho công tác đào tạo ĐH và SDH thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học.

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

- Nghiên cứu và triển khai khoa học- công nghệ
- Giáo dục và đào tạo
- Tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ.

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Tổng số cán bộ: 44, trong đó có 2 giáo sư tiến sĩ khoa học, 6 giáo sư và phó giáo sư, 10 tiến sĩ, 15 thạc sĩ và 10 cử nhân.

Đội ngũ giáo sư, phó giáo sư của Trung tâm là những người có kinh nghiệm lâu năm về giảng dạy và nghiên cứu, có uy tín trong và ngoài nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Thế hệ cán bộ khoa học trẻ được đào tạo cơ bản tại các trường đại học thuộc nhiều quốc gia trên thế giới như Nga, Hoa Kỳ, Canada, Ôxtrâyliya, Nhật Bản, Niu Dilân, Vương quốc Anh, Bỉ, Hà Lan...

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Nghiên cứu và triển khai các đề tài khoa học về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, sinh thái nhân văn, phát triển bền vững và các thể chế chính sách có liên quan.
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững. Tổ chức Chương trình đào tạo sau đại học (bậc Thạc sĩ và Tiến sĩ) chuyên ngành “Môi trường trong phát triển bền vững” – một trong những chương trình đào tạo đầu tiên có tính liên ngành, chất lượng cao của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tư vấn và dịch vụ về khoa học môi trường cho các dự án, chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

NHỮNG THÀNH TỰU CHÍNH

- Trung tâm đã chủ trì và tham gia thực hiện 4 Chương trình Khoa học công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước về Tài nguyên và môi trường; thực hiện 11 đề tài cấp Nhà nước, 65 đề tài cấp Đại học Quốc gia, 83 đề tài hợp tác quốc tế và hàng chục đề tài hợp tác trong nước. Đặc biệt, Trung tâm là đơn vị có uy tín trong việc tham gia soạn thảo các văn bản pháp quy, các báo cáo quốc gia, các chương trình và chính sách có tính định hướng chiến lược trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và bảo tồn, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững.
- Trung tâm đã triển khai xây dựng và ứng dụng thành công các mô hình quản lý, bảo tồn và sử dụng khôn khéo tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, trong đó, phải kể đến mô hình Quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng ở Quảng Ninh, Nam Định và Quảng Trị và Mô hình ao tôm sinh thái ở Thái Bình...
- Trung tâm đã đào tạo gần 600 nhà khoa học và quản lý về tài nguyên và môi trường cho cả nước. Tổ chức thành công hơn 30 hội thảo trong nước và trên 10 hội thảo quốc tế.
- Trung tâm đã góp phần xây dựng và đề xuất kế hoạch quản lý cho nhiều khu bảo tồn và vườn quốc gia như Khu Bảo tồn Đất ngập nước Ramsar Xuân Thủy, Khu Bảo tồn Sinh quyển Cần Giở, Vườn Quốc gia Tràm Chim...
- Trung tâm được Nhà nước giao nhiệm vụ là một trong 4 Cơ quan Thẩm quyền Khoa học của Việt Nam đối với Công ước về Buôn bán Quốc tế các Loài Động, Thực vật Nguy cấp (CITES). Trung tâm là 1 trong 3 thành viên Việt Nam của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). Trung tâm là cơ quan đại diện duy nhất cho Quỹ Học bổng NAGAO của Nhật Bản tại Việt Nam dành cho các học viên cao học trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học. Ngoài ra Trung tâm còn là cơ quan đầu mối đeo vòng chim của Việt Nam.
- Trung tâm có quan hệ hợp tác rộng rãi, chặt chẽ trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các bộ ngành, các sở ban ngành chức năng của các tỉnh, thành trong cả nước.
- Trung tâm đã có quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 80 tổ chức quốc tế, các trường đại học và viện nghiên cứu nước ngoài, nhằm phối hợp nghiên cứu, đào tạo, chia sẻ thông tin và trao đổi học giả trong các lĩnh vực có liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững.

A full-page background image of a sunset over the ocean. The sun is a bright yellow-orange orb just above the horizon, casting a shimmering reflection on the dark water. The sky transitions from a deep orange near the horizon to a dark, almost black blue at the top. A few wispy clouds are visible in the upper half of the sky.

PHẦN II
CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN 25 NĂM

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI:

25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Hoàng Văn Thắng

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường

XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường được hình thành xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và tâm huyết của những nhà khoa học đầu đàn

Việt Nam là một trong những nước được đánh giá là có tính đa dạng sinh học cao trên thế giới. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà đa dạng sinh học của Việt Nam đang bị suy giảm một cách nghiêm trọng. Bước ra khỏi cuộc chiến tranh chống Mỹ năm 1975, Việt Nam phải đương đầu với hàng loạt khó khăn, kể cả đói nghèo, cơ sở vật chất nghèo nàn, bị tàn phá nặng nề, tài nguyên thiên nhiên và môi trường bị hủy hoại nghiêm trọng do chiến tranh, trong khi đó, các chương trình xây dựng vùng kinh tế mới (như Tây Bắc) tỏ ra còn nhiều bất cập, nhất là trong việc bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Vào những năm đầu thập niên 1980, vấn đề bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đã trở nên cấp thiết ở Việt Nam, trong lúc đó, trên thế giới, phong trào bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đã ngày càng phát triển. Nhiều tổ chức quốc tế hoạt động tích cực trong lĩnh vực này đã bắt đầu quan tâm đến Việt Nam như Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN)...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên cần phải được tiến hành song song với công cuộc kiến thiết và xây dựng đất nước,

Nhà nước đã quyết định triển khai Chương trình quốc gia “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” (Mã số 52-02) vào những năm 1981-1985, và Chương trình trọng điểm quốc gia về Tài nguyên và Môi trường (Mã số 52-Đ) giai đoạn 1986-1990.

Sau khi hoàn thành việc triển khai thực hiện Chương trình 52-02, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cấp bách và được sự khuyến khích của một số đồng nghiệp, Giáo sư Võ Quý, “với tư cách là Chủ nhiệm Khoa Sinh học và là người đang chịu trách nhiệm phụ trách Chương trình quốc gia về Môi trường, đã xin phép Ban Giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập Trung tâm Tài nguyên và Môi trường” tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Và ngày 15 tháng 11 năm 1985 đã trở thành một mốc son quan trọng của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường khi Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp – GS.VS. Nguyễn Đình Tứ ra quyết định thành lập Trung tâm. Những ngày đầu thành lập, CRES chỉ có 10 thành viên với phần lớn là cán bộ của Khoa Sinh học và một số từ Khoa Địa lý đang tham gia Chương trình Môi trường. Giáo sư Võ Quý được cử làm Giám đốc Trung tâm. Mục tiêu đầu tiên của Trung tâm trong thời điểm này là nghiên cứu thực hiện Chiến lược do Chương trình Môi trường đã đề ra, thực hiện một số hướng nghiên cứu mới, đồng thời đào tạo đội ngũ các nhà khoa học trẻ về môi trường cho đất nước.



Cùng với sự phát triển của đất nước và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững, vào ngày 5 tháng 8 năm 1995, Trung tâm được Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội - GS.VS. Nguyễn Văn Đạo - ra quyết định sắp xếp và tổ chức lại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1985) và Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn, Đại học Sư phạm Hà Nội I (1987) thành Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay.

CRES tập hợp một đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo của Việt Nam và quốc tế, xây dựng mạng lưới rộng lớn và chất lượng cao

Từ ngày đầu khởi nghiệp với 10 nhà khoa học, cho đến nay, sau 25 năm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã có 71 lượt cán bộ đã và đang công tác tại đơn vị. Hiện tại, Trung tâm có 44 cán bộ, trong đó có 2 GS.TSKH., 6 GS., PGS., cùng với các giáo sư, các nhà khoa học đầu đàn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, như GS. Võ Quý, GS. Phan Nguyên Hồng, GS. Lê Thạc Cán, GS. Lê Trọng Cúc, PGS. Phạm Bình Quyền, PGS. Lê Diên Dực, GS. Trương Quang Học, GS. Nguyễn Quang Mỹ, GS. Đặng Trung Thuận... Trung tâm cũng đã tập hợp được một đội ngũ cán bộ trẻ với 10 TS., 15 Th.S., 10 Cử nhân, được đào tạo bài bản tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới cũng như trong nước như TS. Nguyễn Hữu Ninh, TS. Hoàng Văn Thắng, TS. Võ Thanh Sơn, TS. Nghiêm Phương Tuyến, TS. Lê Thị Vân Huệ, TS. Nguyễn Thị Kim Cúc, TS. Nguyễn Mạnh Hà, Th.S. Vũ Thị

Minh Hoa, Th.S. Võ Thanh Giang, Th.S. Phạm Thị Tường Vi, Th.S. Trần Thu Phương, và các Cử nhân như Phan Thị Minh Nguyệt, Phan Hồng Anh... Các cán bộ trẻ này rất năng động và sáng tạo, kết hợp tốt các kiến thức tiên tiến học được với kinh nghiệm thực tiễn trong nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu cũng như truyền đạt kiến thức trong các bài giảng của mình và đã tạo được những uy tín quan trọng trong nước và quốc tế. Chuyên môn của đội ngũ cán bộ trẻ khá đa dạng, không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực sinh học, sinh thái học, mà mang tính liên ngành cao hơn như chuyên ngành giới và phát triển, quy hoạch đô thị, khu vực học hay phát triển cộng đồng, v.v...

Bên cạnh đó, Trung tâm có mạng lưới cộng tác viên đến từ nhiều đơn vị trong cả nước và đặc biệt là mạng lưới các cựu học viên của Trung tâm tại hầu hết các bộ, ngành và 63 tỉnh, thành. Nhiều người trong số họ là các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ giảng dạy chủ chốt. Một số không nhỏ học viên của Trung tâm giữ các vai trò trọng trách tại các bộ, ngành và các sở chức năng như Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - TS. Nguyễn Thái Lai, Vụ trưởng – TS. Hoàng Danh Sơn, Giám đốc các sở, các trung tâm như CN. Đào Tú Xuyên, hiệu trưởng trường đại học, chủ nhiệm khoa như PGS.TS. Trần Đức Viên, PGS. TS. Lưu Đức Hải... Trung tâm cũng có nhiều cộng tác viên và các cựu học viên giữ các vai trò quan trọng trong hệ thống các khu bảo tồn của Việt Nam như giám đốc vườn quốc gia, phụ trách các phòng khoa học, trung tâm du lịch sinh thái và giáo dục môi trường như Th.S. Nông Thế Diễn... Cùng với các sở, ban, ngành



GS. Võ Quý nhận giải thưởng Hành tinh xanh (Blue Planet)



GS. Phan Nguyên Hồng người nhận giải COSMOS

chức năng, Trung tâm có một hệ thống các viện nghiên cứu và trường đại học là đối tác và cộng tác viên quan trọng như Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng Nam Bộ, Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, Viện Môi trường và Tài nguyên... và các trường đại học như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Nông nghiệp I, Đại học Thái Nguyên, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Huế, Đại học Vinh...

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trung tâm đã nhận được sự quan tâm cũng như hợp tác của nhiều nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường như TS. John McKinnon (IUCN), TS. Elizabeth Kerm (WWF), TS. George Archibald (International Crane Foundation – USA), GS. Seidel (Dresden – CHDC Đức cũ), GS. Manfred Niekish (CHLB Đức), TS. Terry Rambo, TS. Neil Jameison (East-West Center – USA), GS. Jeff Romm (Đại học Berkeley - USA)..., rồi đến các đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như ông Roger Cox, David Hulse (WWF), TS. Hans Fredrick (IUCN), TS. Charles Bailey (Ford Foundation), GS. Greg Lindsey (Đại học Indiana – USA), GS. George Cho, GS. Brian Button, GS. John Harris (Đại học Canberra – Ôxtrâyliya), TS. Michael Glantz (USA)...

Chính nhờ những uy tín và trình độ đã đạt được mà CRES đã và đang là địa chỉ tin cậy của các sinh viên thạc sĩ cũng như các nghiên cứu sinh của nhiều trường đại học trên thế giới đến nghiên cứu và học tập như: Đại học Berkeley, Đại học Yale – Hoa Kỳ, Đại học East Anglia – UK, Đại học Saint Merry - Canada, Đại học Upsala – Thụy Điển, Vườn thú Cologne - CHLB Đức...

CRES đi tiên phong trong nghiên cứu, đào tạo, tư vấn và dịch vụ về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, với một đội ngũ và cách

tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội

Tiên phong trong nghiên cứu về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững

Nhờ đội ngũ khoa học nhiệt tình, có kinh nghiệm và uy tín, cùng mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, nên CRES có điều kiện xây dựng và triển khai nhiều đề tài, dự án trong và ngoài nước, với các quy mô khác nhau. Đây là tiền đề để Trung tâm luôn thể hiện sự tiên phong trong các hướng nghiên cứu của mình.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, “lúc mà có nhiều người còn cho rằng nghiên cứu các vấn đề về môi trường ở Việt Nam là phù phiếm, mà thậm chí có người còn lên án những người nghiên cứu, vận động bảo vệ môi trường là cản trở sản xuất” (lời của GS. Võ Quý), thì Trung tâm dưới sự lãnh đạo và chủ trì của GS. Võ Quý, đã tập trung vào nghiên cứu bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học thông qua cộng đồng và đã triển khai các nghiên cứu về ảnh hưởng của chiến tranh hóa học (Dioxin) lên các hệ sinh thái và con người ở Việt Nam. Những cố gắng để phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái do chiến tranh, nhất là chiến tranh hóa học và việc khuyến khích bảo tồn, quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng vẫn đang được Trung tâm triển khai thực hiện cho đến ngày nay.

Song song với việc triển khai các nghiên cứu trên, một số hướng nghiên cứu khác cũng được Trung tâm đi tiên phong trong tiếp cận cũng như trong nghiên cứu và triển khai ứng dụng trong những năm đầu khi CRES mới thành lập như: quản lý và sử dụng khôn khéo đất ngập nước (do PGS. Lê Diên Dực và TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì), tiếp cận sinh thái nhân văn trong quản lý tài nguyên miền núi (do GS. Lê Trọng Cúc khởi xướng), nghiên cứu hệ sinh thái

rừng ngập mặn (do GS. Phan Nguyên Hồng chủ trì – được tiếp tục triển khai cho đến ngày nay). Ngay như biến đổi khí hậu, một vấn đề đang rất nóng hổi hiện nay, cũng đã được một nhóm các nhà khoa học thuộc CRES do GS. Võ Quý và TS. Nguyễn Hữu Ninh chủ trì, bắt đầu nghiên cứu từ năm 1987. Bước sang đầu những năm 2000, ngay tiếp sau thành công của Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững tại Nam Phi, với sự quyết tâm và nhiệt tình của GS.TSKH. Trương Quang Học, CRES đã đi tiên phong trong việc đưa các khái niệm, luận điểm về phát triển bền vững vào các đề tài khoa học cũng như đào tạo của Trung tâm. Đặc biệt, Chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững là chương trình sau đại học đầu tiên ở Việt Nam về lĩnh vực này.

Từ rất sớm, CRES cũng đã triển khai thực hiện các đề tài/dự án vùng như: Điều tra về Sếu cổ trụi và vùng hạ lưu sông Mê Kông (Việt Nam, Campuchia); Các đề tài vùng trọng điểm như: Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long (Đồng Tháp Mười, U Minh, Cà Mau), Bắc Trung Bộ, rừng ngập mặn từ Móng Cái đến Hà Tiên... Trong những năm gần đây, các đề tài đa quốc gia trở thành một xu hướng nghiên cứu mạnh trên thế giới và CRES cũng đã sớm tham gia vào các dự án loại này, như: Dự án bảo tồn dựa vào cộng đồng – CBCM (Canada, Việt Nam, Trung Quốc), Dự án PIP (Việt Nam, Philipin, Canada), Dự án Đánh đổi giữa bảo tồn và phát triển – ACSC (Hoa Kỳ, Peru, Tanzania, Việt Nam), Dự án Quản lý và sử dụng hợp lý lâm sản ngoài gỗ – NTFP (Lào, Trung Quốc, Việt Nam), Mạng lưới Quản lý tài nguyên thiên nhiên do cộng đồng khởi xướng – COMPAS (Ấn Độ, Sri Lanka, Việt Nam)...

Các hướng nghiên cứu có tính tiên phong nêu trên cũng thể hiện rõ tư duy tổng hợp, cách tiếp cận liên ngành, đa ngành là một đặc trưng trong nghiên cứu khoa học tại CRES. Tư duy tổng hợp có được do phần lớn cán bộ của Trung tâm được đào tạo tại khối các trường đại học tổng hợp. Tư duy và khả năng nghiên cứu liên ngành, đa ngành có được nhờ kinh nghiệm triển khai các đề tài đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội như đánh giá tác động môi trường, tư vấn xây dựng thể chế chính sách, quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn... Ngoài ra, đội ngũ cán bộ kế cận của CRES đã được đào tạo chính quy về một số chuyên ngành có tính liên ngành cao như Quy hoạch đô thị, Giới và phát triển, Khu vực học hay Phát triển cộng đồng.

Hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường cũng là một trong những đơn vị đi tiên phong trong hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường. Từ những năm đầu thập niên 80, CRES đã có những hợp tác với UNEP, WWF, IUCN trong lĩnh vực này và có thể nói khởi điểm của sự hợp tác này là việc có sự hiện diện của các chuyên gia của các tổ chức trên tại Hội nghị quốc gia về Tài nguyên và môi trường năm 1983 được tổ chức tại Hà Nội (22-23/3/1983) mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp – lúc đó là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo.

Những năm sau đó, Trung tâm đã có những hợp tác sâu rộng với WWF và IUCN trong lĩnh vực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Những nỗ lực của CRES đã góp phần thúc đẩy việc hai tổ chức này thành lập văn phòng đại diện và sau này là các văn phòng quốc gia tại Việt Nam và CRES đã trở thành thành viên của IUCN (từ năm 1993).

CRES cũng đã thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào các công ước quốc tế như RAMSAR, CITES, CBD và đóng vai trò tích cực trong việc thực thi các công ước này của Việt Nam khi tham gia tích cực với Cục Bảo vệ Môi trường, nay là Cục Bảo tồn Thiên nhiên của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc thực thi Công ước RAMSAR và Công ước Đa dạng Sinh học. CRES đã hợp tác tích cực với Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Lâm nghiệp (nay là Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) trong việc thực thi Công ước CITES – và là một trong hai Cơ quan Thẩm quyền Khoa học đầu tiên của Công ước này tại Việt Nam.

Hợp tác quốc tế trong đào tạo là một thế mạnh của CRES

Khóa bồi dưỡng 6 tháng về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên” được hình thành và tổ chức lần đầu tiên vào năm 1989. Đây là chương trình đào tạo trung hạn bài bản đầu tiên về môi trường được tổ chức ở Việt Nam lúc bấy giờ, dựa trên chương trình của UNESCO. Khóa học này đã trở thành thương hiệu của CRES. Sau 14 khóa tổ chức thành công với sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế khác nhau, đến nay khóa học vẫn được tiếp tục tổ chức gần như định kỳ một năm một lần.

Hai khóa bồi dưỡng sau đại học 1 năm về “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” đã kết hợp được kiến thức tổng hợp về tài nguyên và môi trường của Khóa 6 tháng và bổ sung thêm khối

kiến thức và kỹ năng về đánh giá tác động môi trường cho 50 học viên, là cán bộ đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ quan quản lý các cấp liên quan đến tài nguyên và môi trường. Giảng viên là các chuyên gia, cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý trong mạng lưới của Trung tâm và các chuyên gia đến từ Canada. PGS. Vũ Quyết Thắng (hiện nay đang công tác tại Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên) là người đã dành nhiều tâm huyết để tổ chức thành công 2 khóa bồi dưỡng này.

Định hướng doanh nghiệp khoa học – công nghệ/tự chủ tài chính

Vào năm 1985, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, khi được Bộ trưởng Trần Hồng Quân hỏi ý kiến về hỗ trợ tài chính cho các hoạt động của Trung tâm, Giáo sư Võ Quý đã trả lời: “Chúng tôi xin cảm ơn Bộ trưởng đã có nhã ý giúp đỡ Trung tâm trong những năm đầu khó khăn, nhưng chúng tôi xin được hoãn việc giúp đỡ trong một vài năm để chúng tôi được thử sức là mình có thể nuôi được mình không”. Chính câu trả lời đó đã thúc đẩy Giáo sư và tất cả 10 thành viên của Trung tâm lúc bấy giờ phấn đấu và cho đến nay đã tròn 25 năm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện được tự chủ tài chính, tuy gặp không ít khó khăn.

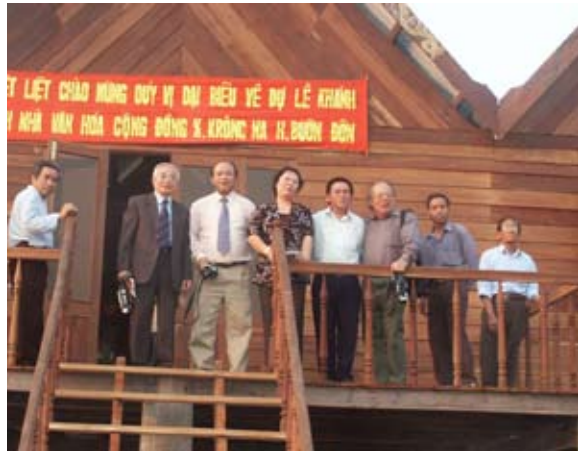
Cho đến nay, CRES là một trong số ít đơn vị của ĐHQGHN thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. CRES chỉ được cấp kinh phí trên cơ sở nhiệm vụ được ĐHQGHN giao, ngoài ra, các nguồn kinh phí hoạt động cũng như chi trả lương và phụ cấp, phúc lợi xã hội đều do đơn vị tự trang trải.

CRES xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã chú trọng đến việc hình thành các hướng và nhóm nghiên cứu đặc thù và là thế mạnh của CRES như:

Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn:

Dưới sự chủ trì và đứng đầu của GS.TSKH. NGND. Phan Nguyên Hồng, Ban đã tập hợp được nhiều cán bộ giảng dạy và các nhà khoa học hàng đầu về nghiên cứu hệ sinh thái rừng ngập mặn của Việt Nam đến từ trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, các cán bộ trẻ được đào tạo bài bản trong nước và ngoài nước (mà chủ yếu là ở Nhật Bản), với sự hợp tác chặt chẽ với các nhà khoa học hàng đầu về rừng ngập mặn của thế giới, đến từ châu Á, châu Âu...



Nhóm Công tác Miền núi:

Ngay từ khi mới thành lập (năm 1985), Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tham gia vào các hoạt động nghiên cứu về miền núi và trung du phía Bắc, nhằm “Nghiên cứu xây dựng các hệ sinh thái mới có năng suất sinh học cao ở vùng trung du Việt Nam”. Trong những năm tiếp theo từ 1989 đến 1991, Trung tâm đã tham gia Mạng lưới Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp các Trường Đại học Đông Nam Á – SUAN. Nhận thấy tầm quan trọng của hướng nghiên cứu về miền núi, CRES đã quyết định chính thức thành lập Nhóm Công tác Miền núi (UWG) do GS. Lê Trọng Cúc phụ trách. Từ sau khi thành lập, Nhóm Công tác Miền núi tập trung vào các nghiên cứu sinh thái nhân văn và xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam. Sau khi thành lập, Nhóm Công tác Miền núi đã tiến hành một loạt nghiên cứu toàn diện trên khắp vùng núi phía Bắc Việt Nam (1994-2001) và sau này mở rộng ra vùng Tây Nguyên và Trung Bộ. Từ năm 2003, Nhóm cũng đã khởi xướng/thiết lập Mạng lưới Quản lý và Phát triển Bền vững Tài nguyên Miền núi (SURDM) với thành viên là các cựu học viên của CRES đến từ 26 tỉnh trung du miền núi của Việt Nam và những người quan tâm đến sự nghiệp phát triển miền núi.



Nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước:

Trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về Tài nguyên và môi trường 52-02 (năm 1981-1985) và 52-Đ (năm 1986-1990), nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước (WWWG) đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chim nước và đất ngập nước. WWWG những ngày đầu bao gồm PTS. Lê Diên Dục (Nhóm trưởng), Cử nhân Hoàng Văn Thắng và Cử nhân Lê Đình Thủy (thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật). Hiện nay, Nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước của CRES đã phát triển một cách mạnh mẽ và toàn diện với 7 thành viên do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì.

Nhóm Nghiên cứu về Đa dạng Sinh học:

Khởi đầu từ GS. Võ Quý và sau này là GS. Trương Quang Học, Nhóm Nghiên cứu về Đa dạng Sinh học đã tập hợp được một đội ngũ đông đảo các nhà sinh học và sinh thái tham gia thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu về đa dạng sinh học cũng như tư vấn, xây dựng các thể chế, chính sách liên quan đến bảo tồn

đa dạng sinh học và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Nhóm Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp:

Do GS. Phạm Bình Quyền đứng đầu, đã áp dụng các nguyên tắc sinh thái nhân văn và sinh thái nông nghiệp bền vững vào việc triển khai thực hiện các dự án.

Nhóm Nghiên cứu về Biến đổi Khí hậu:

GS. Võ Quý, TS. Nguyễn Hữu Ninh cùng một số cán bộ của CRES đã thực hiện các nghiên cứu về biến đổi khí hậu từ năm 1987. Thời gian sau này, nhiều cán bộ của CRES đã tham gia và chủ trì thực hiện các dự án về nghiên cứu và đào tạo liên quan đến biến đổi khí hậu, nhất là thích ứng với biến đổi khí hậu như GS.TSKH. Trương Quang Học, TS. Nghiêm Phương Tuyến, TS. Lê Thị Vân Huệ, Th.S. Vũ Thị Minh Hoa, Th.S. Trần Thu Phương, Th.S. Trương Thị Thanh Huyền và Th.S. Đặng Anh Tuấn...

Nhóm Giáo dục Môi trường:

GS. Võ Quý và GS. Phan Nguyên Hồng cũng là những người đầu tiên xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức về môi trường. Bên cạnh đó, Nhóm còn có các cán bộ được đào tạo chuyên sâu về giáo dục môi trường ở nước ngoài về tham gia công tác như Th.S. Vũ Thị Diệu Hương, CN. Trần Minh Phương, CN. Bùi Hà Ly...

Cho đến nay, các nhóm này vẫn tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong việc nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực của mình. Các nhóm và hướng nghiên cứu trên còn mang tính chiến lược không chỉ của CRES mà còn là của quốc gia.





NHỮNG THÀNH TỰU BAN ĐẦU

Nghiên cứu khoa học và công nghệ

Kể từ khi thành lập, CRES đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều chương trình khoa học trọng điểm cấp Nhà nước, trong đó phải kể đến:

- Phó Chủ nhiệm Chương trình quốc gia về Bảo vệ, phục hồi và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường (Mã số 52-02), giai đoạn 1981-1985 (GS. Võ Quý). Kết thúc chương trình, Trung tâm đã chủ trì soạn thảo Dự thảo Chiến lược Quốc gia Bảo vệ Môi trường đầu tiên cho Việt Nam: Việt Nam Những vấn đề Tài nguyên và môi trường (1986). Chiến lược Bảo tồn quốc gia (NCS) (1986).
- Chủ nhiệm và Văn phòng Chương trình quốc gia về Bảo vệ môi trường (Mã số 52-Đ), giai đoạn 1986-1990 (GS. Võ Quý). Kết thúc Chương trình, Trung tâm chủ trì soạn thảo bản thảo đầu tiên “Luật Bảo vệ môi trường” để lấy ý kiến rộng rãi trước lúc trình Quốc hội.
- Chủ nhiệm và Văn phòng Chương trình quốc gia về Bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai (Mã số KC.08), giai đoạn 2001-2005 (GS. Trương Quang Học).

CRES đã tổ chức triển khai thực hiện nhiều đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành và hợp tác quốc tế, trong đó có:

- 11 đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp tỉnh.
- 65 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 83 đề tài hợp tác quốc tế.

Đóng góp tích cực cho công cuộc bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam và thế giới

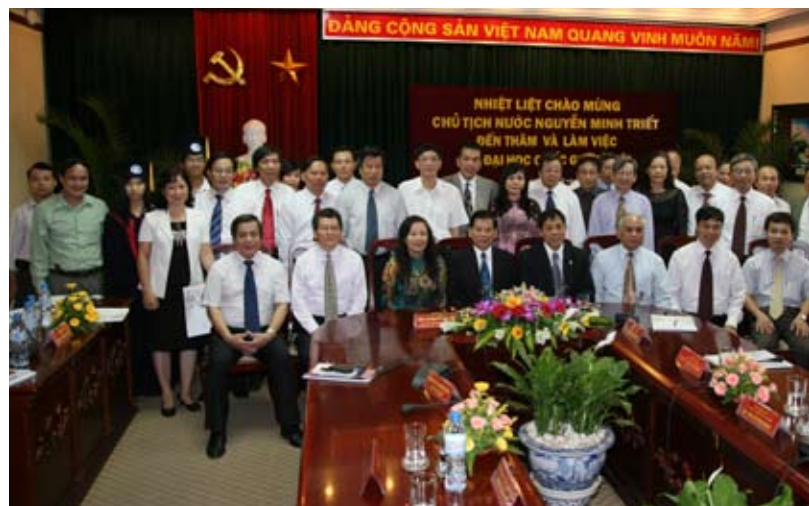
Ngoài việc tham gia xây dựng các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học, CRES còn thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu về đa dạng sinh học, góp phần to lớn vào công tác bảo tồn của đất nước như:

- Nghiên cứu và xây dựng Khu Bảo vệ Sếu ở Đồng Tháp/Vườn Quốc gia Tràm Chim.
- Xây dựng Khu Bảo tồn Đất ngập nước Xuân Thủy, Nam Định.
- Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển bền vững vùng đất ngập nước ven biển ở Việt Nam.
- Xây dựng kinh tế môi trường cho các vùng đệm vườn quốc gia và khu bảo tồn.
- Giúp Hà Tĩnh xây dựng Khu Bảo vệ Kỳ Thủng, Kỳ Anh, Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẽ Gõ và Khu Bảo tồn Thiên nhiên Vũ Quang.

Ngoài ra, Trung tâm còn là Cơ quan Đeo vòng Chim (Bird Banding Scheme) đầu tiên ở Việt Nam.

Phục hồi những hệ sinh thái bị phá hủy, được các địa phương và cộng đồng quốc tế đánh giá cao

Trung tâm đã tham gia thực hiện 2 đề tài liên quan đến khắc phục hậu quả suy thoái môi trường do chất độc hóa học của Mỹ sử dụng trong chiến tranh: (i) Đánh giá ảnh hưởng của chất độc hóa học đến đa dạng sinh học và quá trình biến đổi hệ sinh thái ở khu vực Mã Đà và A Lưới (2005); và (ii) Đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương nhằm phục hồi hệ sinh



thái và tái sử dụng đất rừng bị suy thoái do ảnh hưởng của chất độc hóa học sử dụng trong chiến tranh (2007-2009). Đề tài đạt kết quả rất tốt và đã được Quỹ Ford tiếp tục tài trợ thực hiện pha 2 trong giai đoạn 2010-2012 tại Thừa Thiên Huế.

Đối với hệ sinh thái rừng ngập mặn, trong những năm qua, Ban Nghiên cứu Hệ Sinh thái Rừng ngập mặn (MERD) đã trực tiếp phối hợp với các tỉnh ven biển trồng và phục hồi được trên 3.000 ha rừng ngập mặn, cải tạo môi trường và phòng tránh thiên tai cho nhân dân các xã vùng ven biển tại các tỉnh ven biển. Ngoài ra, từ năm 1994-2008, các cán bộ của MERD đã tham gia tư vấn và giúp đỡ về kỹ thuật cho Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam trồng mới và trồng dặm được hơn 20.000 ha rừng ngập mặn phòng ngừa thảm họa tại 8 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Xây dựng các mô hình phát triển bền vững cho cộng đồng, xã hội

Thông qua các đề tài, dự án, nhiều mô hình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển cộng đồng không những đã đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, mà còn góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Mô hình “Ao tôm sinh thái” nhằm phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn và sử dụng khôn khéo tài nguyên thiên nhiên đất ngập nước tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Đất ngập nước Tiên Hải và các vùng cửa sông, ven biển của cả nước.
- Mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng tại vùng cửa sông ven biển Tiên Yên, Đầm Hà (tỉnh Quảng Ninh) và vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh.
- Mô hình canh tác nương rẫy bền vững tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐaKrông, tỉnh Quảng Trị.
- Mô hình “Đánh đổi giữa bảo tồn và phát triển” tại các tỉnh Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế và Quảng Trị.

Các mô hình này đã thử nghiệm thành công và được chính quyền địa phương ủng hộ và đánh giá cao. Các mô hình sẽ được nhân rộng ra trong các vùng khác có các điều kiện tương tự trên cả nước.

Ngoài ra, Trung tâm đã tổ chức nhiều khóa tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập các mô hình phát triển kinh tế và các hoạt động hỗ trợ khác, đã tạo hiệu quả cao trong việc ổn định

thu nhập cho người dân địa phương, góp phần làm giảm bớt áp lực lên môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tổ chức hội nghị, hội thảo

Trong 25 năm qua, CRES đã tổ chức được 28 hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế. Ngoài ra, CRES còn tổ chức các hội thảo khoa học thường niên, nhằm tổng kết, đánh giá các kết quả nghiên cứu khoa học trong năm và định hướng cho các nghiên cứu. Sự tham gia đồng đẳng của các nhà khoa học và các nhà quản lý trong và ngoài nước tại các hội thảo khoa học thường niên của CRES cho thấy các định hướng nghiên cứu của CRES mang tính thời sự và đúng hướng.

Xuất bản

Trong quá trình xây dựng phát triển, CRES đã cho soạn, biên soạn và dịch nhiều công trình và tài liệu khoa học quan trọng, trong đó bao gồm:

- *Sách và ấn phẩm*: Trung tâm đã biên soạn và in ấn 180 cuốn sách và tài liệu về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững, trong đó có 63 sách và ấn phẩm bằng tiếng Anh và 117 bằng tiếng Việt.
- *Các bài báo và báo cáo khoa học*: Các cán bộ của Trung tâm đã công bố 733 bài báo và báo cáo khoa học trong và ngoài nước, trong đó 364 bài bằng tiếng Anh, 369 bài bằng tiếng Việt.

Công tác đào tạo

Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ

Từ năm 2004, CRES được Đại học Quốc gia Hà Nội cho phép đào tạo mã ngành thạc sĩ và tiến sĩ về Môi trường trong phát triển bền vững. Đến nay, CRES đào tạo được 7 khóa học thạc sĩ với 74 học viên và 6 khóa đào tạo tiến sĩ với 19 nghiên cứu sinh.

Từ năm 2009, CRES đã cùng với Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam liên kết hợp tác với Đại học Ứng dụng Công nghệ Cologne (Đức) tổ chức mở Khóa đào tạo thạc sĩ “Quản lý tài nguyên nước”. Một số giảng viên trẻ của CRES đã tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh cho khóa học này.

Đào tạo trung và ngắn hạn

CRES đã tổ chức được nhiều khóa đào tạo trung và ngắn hạn, với thời gian từ 1-2 tuần đến 12 tháng. Trong đó:



- Hai khóa đào tạo trung hạn (12 tháng) về “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” cho 50 học viên, với sự tài trợ của Tổ chức IDRC (Canada).

- 14 khóa đào tạo ngắn hạn (5-6 tháng) về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên” cho khoảng gần 400 cán bộ, với sự tài trợ của các tổ chức quốc tế như Oro Verde (CHLB Đức), Tổ chức GTZ, InWent và Cơ quan Phát triển Bỉ (BTC).

- 7 khóa đào tạo ngắn hạn (3 tháng) về “Quản lý bền vững tài nguyên miền núi” (1994-2000) cho khoảng 200 cán bộ, trong đó có 6 người đến từ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, với sự tài trợ của các tổ chức Ford Foundation, Toyoto Foundation, Japan Foundation, CIDA, Rockefeller Brothers Fund, MacArthur Foundation.

- Hàng trăm khóa đào tạo ngắn hạn với thời gian từ 1-3 tuần tại các địa phương trong cả nước.

Nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường cho cán bộ các ban ngành và cộng đồng

- CRES đã tổ chức được rất nhiều khóa đào tạo ngắn hạn (thời gian từ 1-3 tuần) cho hàng nghìn lượt người tại Hà Nội và các địa phương, nhằm nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ môi trường cho cán bộ các sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, các chi cục kiểm lâm, các vườn quốc gia, khu bảo tồn ở khắp các tỉnh thành trong cả nước.

- Một số khóa đào tạo cũng được tổ chức cho đối tượng là phóng viên của các báo, đài trong cả nước.

- Xây dựng Trạm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn tại xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, phục vụ đào tạo sau đại học và giáo dục môi trường.

Tham gia vào quá trình xây dựng thể chế, chính sách

Phát huy truyền thống nhiều thập kỷ, cùng với đội ngũ cán bộ có uy tín, đầu ngành, nhiều kinh nghiệm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tích cực tham gia và đã có những đóng góp thiết thực, hiệu quả vào quá trình soạn thảo gần 20 văn bản pháp quy, các báo cáo quốc gia, các chương trình và chính sách có tính định hướng chiến lược trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và bảo tồn, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. Một số các hoạt động gần đây như:

- Tham gia (với vai trò chủ trì hoặc chuyên gia tư vấn) soạn thảo Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2004), Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam (2004), Luật Bảo vệ môi trường (2005), Kế hoạch Hành động quốc gia về Tăng cường kiểm soát buôn bán động thực vật hoang dã đến năm 2010 (2004), Chiến lược Quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2010 (2005), Kế hoạch Hành động quốc gia về Đa dạng sinh học (2007), Luật Đa dạng sinh học (2008), Nghị định về Bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước (2003), Báo cáo quốc gia về Tài nguyên nước (2003), Kế hoạch Hành động khẩn cấp bảo tồn voi ở Việt Nam (2006)...

- Xây dựng Kế hoạch hành động Bảo tồn đa dạng sinh học và báo cáo môi trường cho các vùng và địa phương (như vùng Bắc Trường Sơn, các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định).



- Soạn thảo các văn bản pháp quy dưới luật (như Nghị định thực hiện Luật Đa dạng sinh học).
- Tham vấn Chính phủ ký kết một số công ước quốc tế về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên như Công ước RAMSAR, Công ước ĐDSH, Công ước CITES...

GHI NHẬN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA CRES

Thông qua các hoạt động của mình, uy tín và vị thế của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường ngày càng được nâng cao trong nước cũng như ngoài nước. Thương hiệu CRES đã được nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế cũng như các trường đại học trên thế giới và trong nước biết đến. Vì thế, cho đến nay, CRES đã xây dựng được các mối quan hệ với trên 80 tổ chức và trường đại học trên thế giới, mạng lưới hợp tác trong nước của CRES cũng ngày càng được củng cố và mở rộng. CRES cũng đã được mời tham gia nhiều chương trình nghiên cứu và tư vấn quốc gia, quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững...

Ghi nhận những đóng góp đó, CRES cũng như các cán bộ của mình đã nhận được những phần thưởng cao quý của Đại học Quốc gia Hà Nội, của ngành Giáo dục, ngành Tài nguyên và Môi trường, ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, của Nhà nước cũng như của các tổ chức quốc tế:

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN năm 2005.
- Bằng khen của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2005.

- Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam năm 2005, 2010.
- 2 cá nhân được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh.
- 25 lượt tập thể, cá nhân được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động các hạng và Huân, Huy chương chống Mỹ cứu nước, Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục, Huy chương Vì thế hệ trẻ, Huy chương vì Giai cấp nông dân...
- 3 cá nhân được nhận Giải thưởng Môi trường Quốc gia, Bằng Lao động Sáng tạo.
- 7 cá nhân được nhận Bằng khen của ĐHQGHN.
- Huy chương Vàng của Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF) năm 1988 trao cho Giáo sư Võ Quý.
- Bằng danh dự Global 500 của Tổ chức Môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), trao cho Giáo sư Võ Quý tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Môi trường và Phát triển ở Rio de Janeiro (Braxin).
- Huy chương John Phillip năm 1994 do Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) trao tặng Giáo sư Võ Quý.
- Năm 1994, GS. Võ Quý cũng là người được nhận Giải thưởng Bruno-Shubert do Chính phủ Đức trao tặng.
- Năm 1997, Huân chương Mỏ neo Vàng của Chính phủ Hà Lan dành cho Giáo sư Võ Quý – cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp vào bảo vệ môi trường trên thế giới.
- Giải thưởng Hành tinh Xanh 2003 (Blue Planet Prize 2003) trao cho Giáo sư Võ Quý.
- Năm 2008, GS. Võ Quý được Tạp chí Times (Hoa Kỳ) vinh danh là một trong 35



Anh hùng Môi trường năm 2008 đến từ hơn 20 nước khác nhau trên thế giới.

- Giải thưởng Quốc tế COSMOS của Nhật Bản năm 2008 trao cho Giáo sư Phan Nguyên Hồng vì những đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu và bảo tồn rừng ngập mặn.
- Giải thưởng Nobel Hòa Bình về Môi trường năm 2008 trao cho tập thể tác giả vì những hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu, trong đó có TS. Nguyễn Hữu Ninh.

CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi, khi mà thế giới trở nên nóng, phẳng và chật hơn, nhất là trong tình hình biến đổi khí hậu và sự lựa chọn gay gắt giữa bảo tồn và phát triển như hiện nay, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường một mặt cần tiếp tục duy trì và phát huy truyền thống, thế mạnh của mình, mặt khác, CRES cần tận dụng các thời cơ mới, vượt qua những thách thức hiện có để chuyển mình lên một tầm vóc mới, nhằm hoàn thành sứ mệnh và mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới.

Sứ mệnh

Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thành một đầu mối liên kết các hoạt động khoa học, công nghệ, chiến lược và kế hoạch hành động về bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường của Đại học Quốc gia Hà Nội; thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, đào tạo, tư vấn và chia sẻ thông tin trong các lĩnh vực nói trên.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2020

Phấn đấu trở thành một đơn vị nghiên cứu và đào tạo liên ngành, đa lĩnh vực, ngang tầm khu vực và thế giới của Đại học Quốc gia Hà Nội. Góp phần phát triển nền kinh tế tri thức và đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp hiện đại.

Định hướng phát triển

- Triển khai các nghiên cứu liên ngành, đa lĩnh vực về đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường, phục vụ việc ra quyết định và phát triển bền vững.
- Tăng cường phát triển nguồn lực cho đất nước qua các hoạt động chính thống như giáo dục, đào tạo, hội thảo và xêmina cho các chuyên gia, các nhà quản lý, những người hoạch định chính sách và quảng đại quần chúng.
- Cung cấp các tư vấn, hỗ trợ và dịch vụ trong các lĩnh vực liên quan.
- Tăng cường mạng lưới cộng tác, đối tác và các mối liên kết thông qua việc hợp tác trong các đơn vị liên quan trong Đại học Quốc gia Hà Nội, cũng như với các viện, trường, các cơ quan, tổ chức khác trong nước và cộng đồng quốc tế.
- Phát triển thành viện, xây dựng cơ sở mới tại cơ sở của ĐHQGHN ở Hòa Lạc.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hiện đại, hiệu quả theo mô hình liên ngành, đa lĩnh vực, định hướng nghiên cứu.
- Phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng dạy đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trước mắt, CRES tập trung vào mục tiêu: (i) Phát triển Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thành một đơn vị (Viện) nghiên cứu và đào tạo liên ngành, đa lĩnh vực về tài nguyên và môi trường, ngang tầm





khu vực châu Á và trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; (ii) Tích cực triển khai các hoạt động nghiên cứu và đào tạo mang tính ứng dụng, xây dựng và triển khai các mô hình quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; (iii) Góp phần tạo tiền đề của nền kinh tế tri thức và nâng cao mức sống của nhân dân sống xung quanh các vùng có tính đa dạng sinh học cao; và (iv) Nâng vị thế của Đại học Quốc gia Hà Nội lên tầm khu vực và thế giới.

Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường gắn chặt với sự phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội, với phát triển nền kinh tế tri thức, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, cũng như

chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của cả nước.

- Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo cán bộ khoa học và cán bộ quản lý trong các lĩnh vực liên quan.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp mọi nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của Đại học Quốc gia Hà Nội, sự hợp tác của các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức và nhà tài trợ quốc tế.

- Từng bước phát triển toàn diện, bền vững và nâng lên một tầm cao mới xứng đáng là một đơn vị hàng đầu, đầu mối liên kết của ĐHQGHN, của Việt Nam trong nghiên cứu, đào tạo, tư vấn và dịch vụ về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

THAY CHO LỜI KẾT

Hai mươi lăm năm đã trôi qua, cùng với sự phát triển của đất nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã trải qua những thăng trầm và phát triển cho đến ngày nay. Mặc dù còn nhiều vấn đề phải làm để xây dựng thành một đơn vị nghiên cứu và đào tạo liên ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của xã hội, ngang tầm các nước trong khu vực và trên thế giới, CRES đã có những đóng góp thiết thực và được ghi nhận một cách xứng đáng.

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập, cho phép tôi được thay mặt toàn thể cán bộ, viên chức các thế hệ của Trung tâm gửi lời cảm ơn sâu sắc và chúc sức khỏe đến Ban Giám đốc và các Ban và các đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, các bộ, ngành, trường, viện, các địa phương, các vườn quốc gia và khu bảo tồn, toàn thể các nhà khoa học và các học viên đã và đang hợp tác và hỗ trợ CRES trong suốt quá trình xây dựng và phát triển. Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các tổ chức quốc tế, các trường đại học và các chuyên gia ngoài nước đã không ngừng nỗ lực hỗ trợ CRES trong thời gian qua. Chúng tôi luôn mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ trong tương lai để xây dựng CRES thành một đơn vị “ĐOÀN KẾT, CHUYÊN NGHIỆP, SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP

GS.TS. Võ Quý

Nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

Hôm nay, kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, với tư cách là người đã có mặt từ những ngày đầu tiên, tôi muốn cùng các bạn nhớ lại những kỷ niệm mà nhiều người trong chúng ta có mặt hôm nay đã trải qua.

BỐI CẢNH TRƯỚC LÚC THÀNH LẬP TRUNG TÂM

Chúng ta đều biết rằng, nhân dân và môi trường thiên nhiên Việt Nam đã phải chịu đựng nặng nề trong khoảng một thế kỷ dưới chế độ thực dân khắc nghiệt và 30 năm chiến tranh để giành độc lập và thống nhất đất nước.

Sau năm 1975, cả nước chuyển sang giai đoạn xây dựng lại sau chiến tranh. Nhiệm vụ quan trọng nhất của cả nước là hồi phục lại những vùng đất bị tàn phá và khai thác một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, để hàn gắn các vết thương chiến tranh và nuôi sống số dân đang tăng nhanh.

Cũng vì thế, vào lúc bấy giờ, môi trường Việt Nam lại phải đối đầu với tình trạng khó khăn là không kiểm soát được việc phá rừng một cách bừa bãi để khai thác gỗ và lấy đất cho nông nghiệp đang cần được mở rộng, xây dựng cơ sở hạ tầng, đập thủy điện, làm đường giao thông... Đó là chưa nói đến sự tàn phá của bom đạn và chất độc hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Trong lúc đó, tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta – cơ sở vật chất quan trọng nhất để nâng cao cuộc sống của người dân – lại rất hạn chế, mà nhu cầu của nhân dân lại ngày càng tăng. Để phát triển, cần thêm nhiều đất cho nông nghiệp, nhiều gỗ để xây dựng, nhiều củi để đủ năng lượng cho công nghiệp và nhu cầu hàng ngày cho mọi người dân. Nhưng, rừng thì đang cạn kiệt dần, đất đang bị xói mòn và nghèo kiệt. Diện tích đất trống, đồi núi trọc đã chiếm

đến khoảng 1/3 diện tích tự nhiên của cả nước. Lũ lụt, hạn hán ngày càng gia tăng, mức nước ngầm cũng đang giảm sút ở nhiều nơi.

Bước vào thời kỳ phát triển kinh tế, theo hướng công nghiệp hóa, các loại tài nguyên thiên nhiên lại được khai thác mạnh mẽ hơn, điều kiện môi trường thành thị và những vùng công nghiệp và cả một số vùng nông thôn nữa cũng đang bị ô nhiễm. Nhiều hệ sinh thái ở miền núi, đồng bằng, các vùng ven biển và cửa sông cũng bị tác động mạnh mẽ do các hoạt động của con người.

Tình trạng xuống cấp chất lượng môi trường của Việt Nam và sự sa sút của nguồn tài nguyên rất hạn hẹp (kể cả các nguồn tài nguyên không tái tạo và có khả năng tái tạo) đòi hỏi nhân dân Việt Nam phải xây dựng được một quy hoạch phát triển phù hợp mới có thể vượt qua được những tổn thất về môi trường mà nhiều nước đi trước đã phải trả giá. Để có thể ngăn chặn sự suy thoái môi trường, một mặt chúng ta cần phải giữ được sự cân bằng giữa tăng dân số và phát triển kinh tế-xã hội và mặt khác là phải biết cách sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách khôn khéo và bền vững.

Chúng ta cũng đã nhận thức được rằng, tương lai và hạnh phúc của nhân dân ta tùy thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta, như đã từng nuôi sống tổ tiên chúng ta qua hàng nghìn năm lịch sử.



KHỞI ĐẦU NGHIÊN CỨU VỀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Các nhà khoa học Việt Nam đã bắt đầu nghiên cứu về môi trường từ cuối thập kỷ 1950, mà trước tiên là điều tra các loài động, thực vật các vùng, miền núi cũng như đồng bằng và ven biển, do thầy và trò Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thực hiện. Nhờ những chuyến công tác thực địa đó mà chúng ta đã bước đầu nhận biết được tác động của chiến tranh và các hoạt động phát triển kinh tế lên tài nguyên và môi trường.

Cũng trong thời gian chiến tranh, vào năm 1971 và sau đó đến năm 1974, tôi đã được cử vào miền Nam Việt Nam với tư cách là người đứng đầu một nhóm các nhà khoa học Việt Nam, để nghiên cứu ảnh hưởng của chất diệt cỏ của Mỹ sử dụng ở chiến trường miền Nam, mà lúc đó ở miền Bắc chưa có được những thông tin rõ ràng về hậu quả của chúng. Phạm vi điều tra đầu tiên mà chúng tôi đảm nhận vào năm 1971 là huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, sát phía Bắc Vĩ tuyến 17, và năm 1974 là dọc Đường mòn Hồ Chí Minh, từ Quảng Trị tới Đăk Lăk trong 3 tháng. Qua chuyến khảo sát đặc biệt này, chúng ta đã bước đầu biết được phần nào hậu quả cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh hóa học của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chất độc hóa học của Mỹ không những đã gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe của con người, mà còn gây ra những hậu quả trước mắt và lâu dài lên đất, sự cân bằng dinh dưỡng, chế độ thủy văn, cây cối, động vật và có thể còn gây tác động lên cả khí hậu Việt Nam và các

vùng xung quanh. Ý tưởng nghiên cứu về môi trường của các nhà khoa học Việt Nam cũng được nhen nhóm và củng cố thêm từ những chuyến đi công tác này.

Sau lúc kết thúc chiến tranh, Chương trình điều tra cơ bản Tây Nguyên với tên gọi là Tây Nguyên I trong 3 năm (1976-1978) được thành lập, dưới sự chỉ đạo của Giáo sư Nguyễn Văn Chiểu, Trưởng ban và tôi may mắn được cử làm Phó trưởng ban, phụ trách về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Một số cán bộ giảng dạy và sinh viên của Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội cũng đã tham gia tích cực thực hiện Chương trình. Những điều kiện về môi trường và kinh tế-xã hội đang diễn ra ở vùng Tây Nguyên vừa được giải phóng, đã thúc đẩy thêm trách nhiệm các nhà khoa học phải sớm nghiên cứu về môi trường.

Với những hiểu biết đã thu được qua các đợt công tác nghiên cứu nói trên, vào năm 1980, một nhóm nhà khoa học, trong đó có một số là cán bộ Khoa Sinh học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã đề xuất một Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước về Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Chương trình này được Chính phủ chấp nhận và giao cho Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp chủ trì với Mã số 52-02, thực hiện trong 5 năm, từ 1981 đến 1985. Giáo sư Nguyễn Đình Tứ, Bộ trưởng được cử làm Chủ nhiệm Chương trình và tôi làm Phó Chủ nhiệm thường trực. Khoảng hơn 300 cán bộ khoa học thuộc nhiều chuyên môn khác nhau, từ nhiều cơ quan khoa học và trường đại học của cả nước đã tham gia thực hiện Chương trình này.



Từ các kết quả nghiên cứu của Chương trình đạt được sau 5 năm, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã cho xuất bản tập tài liệu quan trọng: **Việt Nam, những vấn đề về tài nguyên và môi trường - Dự thảo Chiến lược quốc gia**, với lời tựa của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên là Phó Thủ tướng như sau: “*Vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường phải trở thành một nội dung cực kỳ quan trọng, không thể thiếu trong kế hoạch xây dựng đất nước trước mắt cũng như về lâu dài*”. Bản Dự thảo đã trình bày tổng quan về tình trạng môi trường của cả nước và phương hướng chính là phải sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước. Bản Dự thảo cũng đã đề xuất kiến nghị với Chính phủ là phải cấp thiết có những biện pháp phù hợp để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Sau khi kết thúc Chương trình về Môi trường Lần thứ nhất 52-02 với mức đánh giá xuất sắc, Chương trình về Môi trường 5 năm Lần thứ hai (1986-1990) với Mã số 52-Đ được Chính phủ chấp nhận và tôi đã may mắn được Thủ tướng cử làm Chủ nhiệm Chương trình.

Ý TƯỞNG THÀNH LẬP TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG NGÀY ĐẦU KHỞI SỰ

Như tôi đã nói ở trên, chỉ sau lúc kết thúc chiến tranh mới được 10 năm, lúc mà có nhiều người còn cho rằng nghiên cứu các vấn đề về môi trường ở Việt Nam là phù phiếm, thậm chí có người còn lên án những người nghiên cứu, vận động bảo vệ môi trường là cản trở sản xuất, nhiều nhà khoa học Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề môi trường, trong đó có một số cán bộ thuộc Khoa Sinh học. Với mong muốn đẩy mạnh vấn đề nghiên cứu

về môi trường, và cả vấn đề về công nghệ sinh học, đang được nhiều nước trên thế giới quan tâm, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, với tư cách là Chủ nhiệm Khoa Sinh học, tôi đã đề xuất với Hội đồng Khoa học Khoa thành lập hai trung tâm mới tại Khoa là Trung tâm Môi trường và Trung tâm Công nghệ Sinh học, lúc đó chưa ở đâu có tại Việt Nam. Rất tiếc là ý kiến đề xuất của tôi chưa được sự đồng thuận của phần lớn ủy viên Hội đồng lúc bấy giờ.

Vì thấy việc thành lập Trung tâm Môi trường là quan trọng và cấp bách và được sự khuyến khích của một số đồng nghiệp, với tư cách là Chủ nhiệm Khoa và là người đang chịu trách nhiệm phụ trách Chương trình quốc gia về Môi trường, tôi đã xin phép Ban Giám hiệu Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) với số thành viên ban đầu là 10 người, phần lớn là cán bộ của Khoa Sinh học đang tham gia Chương trình Môi trường và tôi được cử làm Giám đốc Trung tâm. Mục tiêu đầu tiên của Trung tâm là nghiên cứu thực hiện Chiến lược do Chương trình Môi trường đã đề ra, thực hiện một số hướng nghiên cứu mới, đồng thời đào tạo đội ngũ các nhà khoa học trẻ về môi trường cho đất nước.

LÚNG TÚNG VÀ KHÓ KHĂN NHỮNG NGÀY ĐẦU MỚI THÀNH LẬP

Vào năm 1985, tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã có 7 trung tâm mới được thành lập, trong đó có Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường. Phần lớn các trung tâm đang lúng túng trong các hoạt động và nhất là tự chủ tài chính mà Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp đang khuyến khích các trung tâm thực hiện. Vào một dịp đến thăm trường và nói chuyện với cán bộ cốt cán, Bộ trưởng Trần

Hồng Quân có đề cập đến các trung tâm của trường và vấn đề tự chủ tài chính. Bộ trưởng đã nói: “Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội hiện có 7 trung tâm, thì xem ra chỉ có 5 trung tâm có thể thực hiện được tự chủ tài chính, còn 2 trung tâm là Trung tâm Mác Lênin và Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường phải được hỗ trợ trong một vài năm đầu, vì hình như các trung tâm này không có công việc gì có thể làm ra tiền”. Nghe ý kiến đó của Bộ trưởng, tôi khấp khởi mừng thầm vì như thế là có dịp giải quyết được những khó khăn mà chúng tôi đang phải đối đầu lúc bấy giờ. Nhưng khi được hỏi ý kiến, tôi đã trả lời: “Chúng tôi xin cảm ơn Bộ trưởng đã có nhã ý giúp đỡ Trung tâm trong những năm đầu khó khăn, nhưng chúng tôi xin được hoãn việc giúp đỡ trong một vài năm để chúng tôi được thử sức là mình có thể nuôi được mình không”. Chính câu trả lời đó đã thúc đẩy chúng tôi – tất cả 10 thành viên của Trung tâm – phấn đấu và cho đến nay đã tròn 25 năm, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện được tự chủ tài chính, tuy gặp không ít khó khăn.

Một câu chuyện nữa mà tôi muốn nhắc lại để chúng ta cùng suy ngẫm. Vào những năm 1980, khi nói đến một cơ quan khoa học, một viện hay một trung tâm, nhiều người thường có ý nghĩ là để cơ quan đó có bề thế, làm được nhiều việc, có uy tín, thì điều kiện đầu tiên là phải có nhiều cán bộ. CRES lúc mới thành lập chỉ vắn vắn có 10 người, thật quá nhỏ bé, muốn làm việc gì cũng cảm thấy thiếu người.

Vào năm 1987, Trung tâm chúng tôi được mời tham gia Hội thảo khoa học quốc tế về “Sinh thái học Việt Nam” được tổ chức tại New York và thăm một số cơ sở nghiên cứu về môi trường của Hoa Kỳ. Đoàn gồm 5 người là các GS. Lê Thạch Cán, Lê Trọng Cúc, Phan Nguyên Hồng, Võ Tông Xuân và tôi là trưởng đoàn. Lần đầu tiên đi Mỹ, được thăm Trung tâm Đông - Tây (East-West Center) ở Hawaii, một Trung tâm thật “bề thế”, không phải chỉ cơ sở làm việc, thự viện, mà có đến cả trăm người, thuộc nhiều nước, nhiều dân tộc đang nghiên cứu tại Trung tâm. Tôi thầm nghĩ, không biết đến lúc nào Việt Nam mới có được một trung tâm như vậy. Điều mà sau này tôi mới được biết là số cán bộ cơ hữu của Trung tâm Đông - Tây cũng không quá chục người. Cơ quan tiếp theo mà chúng tôi đến thăm là Trung tâm Nghiên cứu Môi trường của Trường Đại học Tổng hợp Berkeley, một trường đại học khá nổi tiếng ở Mỹ. Lại một lần nữa những gì thấy được ở đây đã làm tất cả chúng tôi choáng ngợp. Cơ sở vật chất

quá khang trang, điều đó thì không cần phải nói, chúng ta cũng thừa biết, nhưng cán bộ làm việc ở đây cũng rất đông. Tại đây, sau khi trao đổi với Ban Giám đốc của trường, CRES và Trung tâm Môi trường của Đại học Berkeley đã thỏa thuận ký kết chương trình hợp tác. Trong lễ ký kết hợp tác được tổ chức khá long trọng, tôi đã thay mặt đoàn cán bộ Việt Nam và CRES cảm ơn Ban Giám đốc Đại học Berkeley đã đồng tình với việc hợp tác giữa một trung tâm rất lớn của Đại học Berkeley với một trung tâm rất bé nhỏ của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông Giám đốc Đại học Berkeley liền hỏi tôi là CRES của ông có bao nhiêu cán bộ. Tôi trả lời một cách dè dặt là chúng tôi mới chỉ có được 10 người. Ông Giám đốc liền đáp lại: “Chúng tôi hết sức vinh dự là đã được hợp tác với một Trung tâm rất lớn, vì Trung tâm của chúng tôi thực chất chỉ có ba người, tất cả những người khác đang làm việc tại Trung tâm đều là cộng tác viên”. Câu đáp lại đó đã làm cho chúng tôi giật mình: thì ra một cơ quan nghiên cứu khoa học, lớn hay bé đâu phải là có số cán bộ nhiều hay ít, mà chính là công việc và các kết quả mà nó đã, đang và sẽ đóng góp cho xã hội. Những kinh nghiệm đầu tiên đó đã giúp chúng tôi trong nhiều năm qua phấn đấu tổ chức được nội dung hoạt động của Trung tâm ngày càng phong phú và hợp lý, đáp ứng được phần nào yêu cầu của xã hội và dần dần gây được uy tín với các tổ chức trong nước và bạn bè quốc tế.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG TÂM

Sau khi thành lập chưa đầy nửa năm, ngoài trách nhiệm tổ chức và quản lý Chương trình Môi trường, CRES đã đề ra nhiệm vụ là phải sớm tìm cách để thực hiện được một số dự án nhỏ theo hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhằm nâng cao cuộc sống cho những người dân nghèo, đồng thời để cán bộ của Trung tâm làm quen dần với công tác nghiên cứu mới mẻ này và góp phần vào công việc cải thiện môi trường. CRES đã tổ chức thực hiện được nhiều dự án, nhưng không phải tất cả các dự án đều đạt kết quả tốt. Một số dự án đã thất bại, nhưng chúng tôi không nản chí, luôn luôn rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân thất bại để điều chỉnh cho đến khi thành công. Sau đây là một vài ví dụ mà CRES đã làm được trong những năm đầu thành lập:

- Vào năm 1986, CRES đã cùng với nhân dân và chính quyền địa phương thành lập được Khu Bảo tồn Sếu Đầu đỏ ở huyện Tam Nông và nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim.



- Năm 1988, CRES đã thành công trong việc tổ chức Khu Bảo tồn Đất ngập nước Xuân Thủy ở cửa sông Hồng dành cho chim di cư và đây cũng là Khu RAMSAR đầu tiên ở Việt Nam và cũng là Khu RAMSAR đầu tiên ở Nam châu Á. Tại đây, CRES cũng đã giúp nhân dân địa phương trồng rừng ngập mặn, tổ chức nuôi ong và biết cách quản lý bền vững các ao nuôi tôm.

- Qua nhiều lần thất bại, CRES đã thành công trong việc xây dựng được mô hình vườn rừng tại Vĩnh Phú. Đó cũng là mô hình vườn rừng theo kiểu sinh thái đầu tiên thành công ở Việt Nam, được tỉnh Vĩnh Phú triển lãm tại Hà Nội vào năm 1989.

- Ngoài ra, CRES cũng đã thực hiện được một số dự án nhỏ, như giúp nhân dân xã Thanh Hương, tỉnh Nghệ An tổ chức khu dân cư mới bằng cách sử dụng bền vững khu đất trống đồi núi trọc của xã, bằng cách làm ruộng bậc thang, tập huấn cho dân biết phương thức canh tác nông lâm kết hợp và làm vườn.

- Hợp tác với Đoàn Thanh niên, giúp thanh niên xã Xích Thọ, tỉnh Ninh Bình nâng cao cuộc sống bằng cách trồng rừng, xây dựng vườn nhà, tổ chức chăn nuôi, kế hoạch hóa gia đình...

- Giúp đỡ một xã ở An Giang, đồng bằng sông Cửu Long bảo vệ vùng đất ngập nước, sử dụng hợp lý hệ sinh thái này trước mắt và lâu dài bằng cách trồng tràm, nuôi ong lấy mật, sản xuất dầu tràm, giảm bớt tậ phá rừng để trồng lúa.

- Từ năm 1989, CRES cũng đã tổ chức lớp tập huấn sau đại học đầu tiên về quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường với 28 học viên đến từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các khu bảo tồn thiên nhiên và các địa phương trong cả nước. Từ lớp tập huấn đầu tiên này, CRES đã rút kinh nghiệm để tổ chức nhiều lớp tương tự trong những năm tiếp theo.

Đến nay, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tròn 25 năm, nhớ lại những ngày đầu mới thành lập, Trung tâm đã phải phấn đấu để vượt qua khó khăn về nhiều mặt khác nhau. Trong những bước đầu hoạt động của Trung tâm, thành công cũng có, nhưng thất bại cũng không ít, và chính nhờ những thành công và thất bại trong những năm đầu mới thành lập đó mà chúng tôi, tập thể cán bộ của Trung tâm đã dần dần trưởng thành để có được những kết quả như ngày hôm nay.

Nhân dịp này, tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới các cấp lãnh đạo có liên quan, các đồng nghiệp, trong đó có nhiều người là cán bộ của Khoa Sinh học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, nơi mà tôi đã có nhiều năm gắn bó và trưởng thành, cảm ơn các bạn bè quốc tế và nhân dân các địa phương mà Trung tâm đã đến công tác, đã động viên, ủng hộ và cộng tác với chúng tôi trong những năm đầu mới thành lập, còn nhiều bỡ ngỡ và khó khăn.

BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

GS.TSKH. Trương Quang Học

Nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường được thành lập ngày 15 tháng 11 năm 1985, cho đến nay, vừa tròn 25 tuổi, cái tuổi vừa chín để có thể làm được các việc lớn, trọng đại cho mình và cho xã hội.

Sau 25 năm phát triển, trải qua nhiều bước thăng trầm – với sự đóng góp của nhiều thế hệ, Trung tâm đã có những thành tựu về các mặt: nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, đào tạo và phát triển quan hệ quốc tế..., đóng góp có ý nghĩa vào sự nghiệp bảo vệ môi trường (BVMT) và phát triển bền vững (PTBV) của đất nước, xứng đáng với vị trí là một trong những trung tâm về tài nguyên và môi trường được thành lập sớm nhất của cả nước.

Hiện nay, trong bối cảnh chung của quốc tế, quốc gia cũng như của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) với nhiều biến đổi so với giai đoạn trước đây, Trung tâm đang đứng trước những thách thức và cơ hội phát triển mới, đòi hỏi phải có những đổi mới trong tư duy, định hướng chiến lược, cơ chế tổ chức-quản lý... theo phương châm: Suy nghĩ toàn cầu, Hành động địa phương – Thinking Globally, Acting Locally.

Bài viết này muốn đóng góp một số suy nghĩ cho định hướng phát triển của Trung tâm trong bối cảnh hiện nay.

I. BỐI CẢNH

Bối cảnh quốc tế

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động, với nhiều biến đổi so với giai đoạn trước đây, một thế giới mà theo ngôn ngữ phổ biến hiện nay là nóng, phẳng và chật. Khái niệm này do Thomas Friedman – một nhà báo Mỹ nổi tiếng – đưa ra lần đầu tiên năm 2008, nhằm lý giải khó khăn lớn nhất của thế giới hiện nay là đang ngày càng nóng bức và chật chội hơn do sự nóng lên của Trái đất và dân số tăng quá nhanh. Thêm vào đó, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập thông qua các cuộc cách mạng siêu công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đã san phẳng sân chơi kinh tế toàn cầu, cho phép rất nhiều người cùng cạnh tranh, kết nối và hợp tác với nhau, tạo nên hiệu ứng phẳng. Trong khung cảnh đó, trong một hai thập kỷ gần đây, đã xuất hiện những thách thức mới khá gay gắt trên toàn cầu. Đó là những cuộc khủng hoảng về kinh tế/tài chính, khí hậu, năng lượng và lương thực, thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế và đòi hỏi phải có những cố gắng mới để ứng phó.

1.1. Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu (BĐKH), mà trước hết là sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng, là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất đối với nhân loại trong Thế kỷ XXI. BĐKH đã thực sự tác động đến mọi lĩnh vực, bao gồm tài nguyên thiên nhiên, môi trường, kinh tế-xã hội và sức khỏe con người. Thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan như là hệ quả của BĐKH hiện đang hoành hành ngày càng nhiều và khốc liệt ở khắp mọi nơi trên thế giới. Hơn bao giờ hết, cộng đồng quốc tế đang cố gắng để có được những giải pháp hữu hiệu nhất, nhằm ứng phó với BĐKH. Nhiều quốc gia đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch ứng phó với BĐKH, trong đó nghiên cứu khoa học là một thành phần quan trọng. Các nghiên cứu khoa học liên quan đến mọi khía cạnh của BĐKH đang được khuyến khích mạnh mẽ ở mọi cấp độ. Các quốc gia cũng như cộng đồng các nhà tài trợ đang ưu tiên một phần đáng kể nguồn lực để thực thi các hoạt động, nhằm tìm ra nguyên nhân cũng như giải pháp cho thách thức về BĐKH. Đây chính là cơ hội lớn cho các đơn vị nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.

1.2. Khủng hoảng năng lượng

Cuộc khủng hoảng năng lượng đang hoành hành trên toàn cầu là do các nguyên nhân: (i) Dầu lửa và các nhiên liệu hóa thạch khác ngày càng cạn kiệt; (ii) Nhu cầu năng lượng của các nước, nhất là các nước có sự bùng nổ nền kinh tế (Trung Quốc, Ấn Độ) ngày càng cao; (iii) Sự bất ổn về an ninh ở các khu vực chiến lược về năng lượng của thế giới làm ảnh tới lượng dầu khai thác; và (iv) Sự bất đồng quan điểm giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế, nhất là giữa Mỹ và các thành viên OPEC.

Giá dầu lửa và lương thực tăng vọt trong thời gian gần đây đã và đang tác động trực tiếp, gây ảnh hưởng nặng nề tới nhiều quốc gia (giá cả sinh hoạt, lạm phát tăng, sản xuất bị ảnh hưởng), nhất là các quốc gia đang và kém phát triển. Điều này đã buộc cộng đồng quốc tế phải có những chiến lược mới để ứng phó, bao gồm: (i) Đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng (năng lượng hạt nhân, năng lượng tái sinh và năng lượng sinh học); và (ii) tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng.

1.3. Khủng hoảng lương thực

Cuộc khủng hoảng lương thực trên phạm vi toàn cầu trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng lớn tới đời sống của người dân ở nhiều quốc gia, đã đẩy hơn 100 triệu người vào tình trạng

đói kém. Nguyên nhân của cuộc khủng hoảng lương thực bao gồm: (i) Diện tích sản xuất lương thực ngày càng giảm, làm cho lượng dự trữ lương thực của thế giới hiện nay ở mức thấp nhất trong vòng 25 năm qua; (ii) Biến đổi khí hậu tác động mạnh tới sản xuất nông nghiệp (làm gia tăng thiên tai, dịch bệnh, năng suất cây trồng), làm lượng lương thực dự trữ ngày càng giảm; và (iii) Sản xuất nhiên liệu sinh học (sản xuất diezen sinh học từ lương thực) để thay thế nhiên liệu hóa thạch, nhằm giảm nhẹ BĐKH.

1.4. Khủng hoảng tài nguyên

Sự suy thoái ba nguồn tài nguyên quan trọng nhất là nước, đất và sinh vật đang là những vấn đề môi trường cấp bách, mang tính toàn cầu. Cách tiếp cận quản lý tổng hợp tài nguyên – quản lý tài nguyên dựa trên hệ sinh thái (Ecosystem Based Management) là xu hướng chủ đạo trong quản lý bền vững tài nguyên ở nhiều quốc gia hiện nay trong khuôn khổ một Chương trình quốc tế chung “Đánh giá hệ sinh thái thiên niên kỷ”.

2. GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG MỘT THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG

Trong một thế giới đầy biến động như vậy, giáo dục và khoa học công nghệ được đặt ra như những động lực chính để phát triển xã hội.

2.1. Về Khoa học – Công nghệ

Cách mạng KHCN đang phát triển như vũ bão với những nét đặc trưng cơ bản sau:

Bùng nổ thông tin - cứ khoảng 5-7 năm thì lượng thông tin tăng gấp đôi. Cũng trong thời gian ấy tốc độ “não hóa” về tri thức và kỹ năng trung bình là 15-20%;

Thời gian từ phát minh lý thuyết đến ứng dụng trong thực tế rút ngắn, thậm chí rất ngắn;

Số lượng các nhà khoa học tăng nhanh trong cách mạng KHCN;

Nhiều ngành khoa học giáp ranh hay mang tính liên ngành ra đời...

Những thành tựu KHCN ảnh hưởng ngày càng sâu sắc và toàn diện tới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là giáo dục và đào tạo.

2.2. Về Giáo dục

Trong bối cảnh hiện nay, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (CLC) là chiến lược phát triển/cạnh tranh của các nước. Theo đó, phương



châm của giáo dục là: “Học để biết, học để làm, học để sống và học để sống với nhau” (Learning to Know, Learning to Do, Learning to Be and Learning to Live Together), khác với quan niệm truyền thống trước đây: Học để làm (“Job-ready” Graduate).

Nhân lực CLC của Thế kỷ XXI cần có ba tố chất: (i) Năng lực tư duy sáng tạo (Creative Thinking Manpower) để phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, KHCN, trong tổ chức quản lý, trong cơ chế thị trường; (ii) Năng lực hành động sáng nghiệp (Entrepreneurial Manpower) nhằm tạo lập việc làm, doanh nghiệp cho mình và cho người khác trong môi trường cạnh tranh quyết liệt hiện nay; và (iii) Năng lực tự học và nghiên cứu khoa học – học suốt đời.

Vì vậy, phương châm đổi mới giáo dục đại học (GDDH) hiện nay là: “Kết hợp học tập với giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua nghiên cứu/triển khai/chuyển giao công nghệ/phục vụ xã hội... để tạo nên nguồn nhân lực mới chất lượng cao”. Nói một cách khác, nghiên cứu khoa học (NCKH) được quan niệm là một chức năng đặc trưng của GDDH.

Với phương châm trên, hệ thống giáo dục đại học ở các nước tiên tiến phát triển theo những đặc trưng đa dạng, thực tiễn và chất lượng cao. Các trường đại học rất khác nhau về sứ mệnh, mục tiêu và quy mô để đáp ứng nhu cầu rất đa dạng và ngày càng cao của xã hội học tập về nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

Các đại học nghiên cứu (ĐHNC) là những cơ sở đào tạo toàn diện, đa ngành, đa lĩnh vực có chất lượng cao nhất. ĐHNC là nơi giao thoa của ba chức năng: đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ xã hội, và sự kết hợp chặt chẽ ba chức năng này hiện nay là xu hướng cơ bản trong chiến lược phát triển giáo dục đại học

của các nước trên thế giới. Trong ba chức năng kể trên thì NCKH và phục vụ thực tiễn vừa là phương tiện (học qua nghiên cứu), vừa là mục đích (học cho nghiên cứu) vừa là động lực để đào tạo, nhất là đào tạo chất lượng cao.

Như vậy, các trường đại học không chỉ là trung tâm đào tạo, mà đã thực sự trở thành các trung tâm NCKH, sản xuất, sử dụng, phân phối, xuất khẩu tri thức và chuyển giao công nghệ mới hiện đại.

3. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC VÀ ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

3.1. Bối cảnh trong nước về giáo dục và khoa học – công nghệ

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới phát triển giáo dục và KHCN, coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển” và KHCN “là nền tảng và động lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc Lần thứ VIII của Đảng đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, Xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên Chủ nghĩa xã hội. Muốn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục – đào tạo, phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững. Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị Lần thứ Hai Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII) quyết định định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Sau 12 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (Khóa VIII), chúng ta đã đạt được không ít thành tựu về phát triển và ứng dụng khoa học, cũng như công nghệ trong nền kinh tế và trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, KHCN nước ta chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, đội ngũ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chưa trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và khắc phục được tình trạng tụt hậu so với một số nước trong khu vực. Chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ nhìn chung còn thấp, thiếu những cán bộ, chuyên gia giỏi đầu đàn trong nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ, đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ quốc tế, có đóng góp đột phá đối với các lĩnh vực kinh tế-xã hội của đất nước. Chính sách đãi ngộ, sử dụng chưa thu hút được nhiều



và sử dụng tốt cán bộ trẻ đã được đào tạo có trình độ cao về làm việc tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực. Đã đến lúc phải rất khẩn trương khắc phục mặt hạn chế này, có quyết tâm rất cao và thống nhất, ráo riết trong hành động.

3.2. Bối cảnh và định hướng phát triển của ngành Tài nguyên và Môi trường đến năm 2020

3.2.1. Bối cảnh

Chúng ta đang tiến hành sự nghiệp bảo vệ môi trường (BVMT) trong bối cảnh quốc tế với hai đặc trưng cơ bản: Hội nhập và Phát triển bền vững.

Theo xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa, nhất là sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO (tháng 11 năm 2006), đã tạo ra những cơ hội mới để mở rộng thị trường, tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước. Tuy nhiên, từ góc độ môi trường và tài nguyên, chúng ta đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, đòi hỏi: (i) phải gấp rút hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước về môi trường đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường Việt Nam, quy chế nhập khẩu chất thải để tránh nguy cơ biến thành bãi thải cho hàng hóa kém chất lượng, hàng hóa không thân thiện với môi trường từ các nước khác; (ii) sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, phục vụ phát triển kinh tế và phục vụ đời sống và kiểm soát ô nhiễm ngày một gia tăng; (iii) nâng cao trình độ khoa học công nghệ, năng lực cập nhật và xử lý thông tin, thương thảo trên trường quốc tế; và (iv) đảm bảo an ninh môi trường, an ninh năng lượng...

Theo xu hướng phát triển bền vững, công tác BVMT cần phải được đặc biệt chú ý để đảm bảo sự hài hòa của ba trụ cột: Kinh tế, Xã hội và Môi trường trên nền của Văn hóa truyền

thống; tập trung thực hiện 8 Mục tiêu Thiên niên kỷ, trong đó xóa đói giảm nghèo là mục tiêu số một và ứng phó hiệu quả với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (BĐKH) – thách thức lớn nhất của cả nhân loại trong Thế kỷ XXI. Theo đó, công tác BVMT không những phải đổi mới về nội dung, cơ chế hoạt động, mà còn cả về phương pháp tiếp cận.

3.2.2. Định hướng chiến lược của ngành Tài nguyên và Môi trường

a. Định hướng chung

Đảm bảo các nguồn lực tự nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc và dự báo về tài nguyên và môi trường. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch, kế hoạch và cơ chế chứng nhận quyền sử dụng, cấp phép khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nghiên cứu khắc phục các bất cập, tiếp tục đổi mới công tác quản lý, đưa vào áp dụng trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường các phương thức, mô hình, công cụ quản lý tiên tiến và hiện đại. Đẩy mạnh kinh tế hóa để nâng tầm đóng góp của ngành cho ngân sách Nhà nước và giá trị gia tăng của nền kinh tế.

b. Mục tiêu cụ thể của chiến lược phát triển ngành Tài nguyên và Môi trường đến năm 2020

Nâng cao năng lực điều tra cơ bản tài nguyên, quan trắc khí tượng, thủy văn, môi trường, dự báo thời tiết, khí hậu, thiên tai lên mức tiên tiến so với các nước trong khu vực, bảo đảm cung cấp thông tin, dữ liệu, phục vụ công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, lãnh hải quốc gia;

Hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Bảo đảm phân bổ hợp lý và hiệu quả, khai thác, sử dụng tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế-xã hội;

Ngăn chặn đà gia tăng ô nhiễm; giải quyết dứt điểm các vấn đề môi trường bức xúc; phục hồi về cơ bản các khu vực môi trường đã bị suy thoái; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm chất lượng môi trường, nhằm nâng cao mức sống của nhân dân;

Thúc đẩy quản lý tổng hợp, phân vùng chức năng và dựa trên các hệ sinh thái đối với tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, bảo đảm tiến ra biển, lớn mạnh từ biển một cách bền vững;

Đổi mới cơ chế quản lý, khai thác các nguồn thu, áp dụng các công cụ kinh tế, hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường, thúc đẩy thương mại hóa thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường, nhằm nâng tầm đóng góp của ngành Tài nguyên và môi trường cho thu ngân sách và tăng trưởng của nền kinh tế;

Xây dựng nền hành chính công đơn giản, minh bạch và hiệu quả; giảm số vụ khiếu kiện, khiếu nại, các vấn đề xã hội liên quan đến tài nguyên và môi trường và chi phí thủ tục hành chính xuống bằng mức 50% của năm 2010.

Trong đó, mũi đột phá là: “Đẩy mạnh kinh tế hóa, nhằm hoàn thiện thể chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng tầm đóng góp của ngành Tài nguyên và môi trường trong nền kinh tế quốc dân” (Bộ TN&MT, 2008, 2010).

3.3. Bối cảnh của Đại học Quốc gia Hà Nội

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) - một trong hai đại học quốc gia của Việt Nam – là một cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ, đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam.

Mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN đến năm 2020: “Phần đầu trở thành đại học định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, ngang tầm các đại học tiên tiến trong khu vực châu Á, trong đó có một số lĩnh vực và nhiều ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế, góp phần

phát triển nền kinh tế tri thức và đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Để thực hiện mục tiêu này, định hướng phát triển của ĐHQGHN là:

- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đạt chất lượng quốc tế và bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, quản lý, kinh doanh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Sáng tạo và chuyển giao những kết quả, sản phẩm KHCN tiên tiến, có giá trị lý luận và thực tiễn tầm cỡ khu vực, quốc tế.

- Phát triển cơ sở mới, hiện đại của ĐHQGHN tại Hòa Lạc, tương xứng với vị thế của một trung tâm đại học hàng đầu của cả nước, ngang tầm với các đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý hiện đại, hiệu quả, theo mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng nghiên cứu.

- Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong việc triển khai các hoạt động học thuật, góp phần phát triển KHCN và đáp ứng các yêu cầu của kinh tế-xã hội.

Theo định hướng này, các đơn vị nghiên cứu – triển khai, trong đó có Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong vị thế chung của ĐHQG Việt Nam.

II. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: TRUYỀN THỐNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Truyền thống

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường có một truyền thống 25 năm phát triển đáng tự hào (xem bài của TS. Hoàng Văn Thắng – Giám đốc Trung tâm). Tuy nhiên, trong giai đoạn mới hiện nay, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi đó, Trung tâm cũng đang gặp phải không ít những thách thức, đòi hỏi một sự quyết tâm cao để thích ứng, đổi mới, để phát triển lên một tầm vóc mới.

2. Phát triển: Cơ hội và thách thức

2.1. Thời cơ và thuận lợi

Trung tâm có những thuận lợi cơ bản sau:

- Có được sự ưu tiên của ĐHQGHN theo chiến lược xây dựng đại học định hướng nghiên cứu;
- Có truyền thống 25 năm phát triển;
- Có thương hiệu quốc tế và quốc gia, có khả năng tập hợp lực lượng;
- Mạnh trong cách tiếp cận liên ngành;
- Đội ngũ cán bộ có tiềm năng, nhất là cán bộ trẻ (nhiều người được đào tạo bài bản, hệ thống), sẵn sàng hội nhập;
- Đã thích ứng với cơ chế thị trường;
- Có mạng lưới cộng tác khắp toàn quốc.

2.2. Khó khăn và thách thức

- Hẫng hụt về đội ngũ cán bộ quản lý hiện đại;
- Chưa có được một cơ chế tổ chức và quản lý hiện đại mang tính đột phá, phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập trong tình hình mới hiện nay (sau WTO);
- Nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị;
- Còn ít kinh nghiệm trong đào tạo chính quy (SDH);
- Chưa tạo được các nhóm nghiên cứu mạnh đồng bộ, ổn định.

2.3. Thảo luận và khuyến nghị

Hai mươi lăm năm đối với một cơ quan, tổ chức không phải là dài và cũng không phải là ngắn. Từ năm 1985 đến nay, đã có bao đổi thay: thế giới nóng hơn, phẳng hơn và chật hơn. Đất nước chúng ta đã ở một tầm cao mới sau 25 năm đổi mới (bắt đầu từ năm 1986 và thực sự là từ năm 1991); Đại học Tổng hợp đơn lĩnh vực trước đây, nay đã phát triển thành ĐHQGHN đa ngành, đa lĩnh vực, con chim đầu đàn trong giáo dục đại học của cả nước.

Trong 25 năm qua, với tư cách là một trong những trung tâm về tài nguyên và môi trường được thành lập sớm nhất ở Việt Nam, Trung tâm đã hoàn thành được sứ mạng vẻ vang của mình, đã có những thành tựu đáng ghi nhận trong công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy sự nghiệp bảo vệ môi trường của đất nước và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế.

Trong giai đoạn mới hiện nay, về cơ bản, Trung tâm vẫn phát triển theo quỹ đạo cũ, vẫn giữ

được những danh tiếng có từ ngày xưa, vẫn là một trung tâm NGO/Semi-NGO mang ít nhiều tính “gia đình”, hình như đang cố vươn lên tìm kiếm một hướng đi mới, một bước đột phá để lột xác dưới cái bóng uy nghi của ĐHQGHN.

Từ bài học của Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển (nguyên là anh em sinh đôi với Trung tâm), chúng tôi mạnh dạn đề nghị bước đột phá, đó là:

Sớm thành lập Viện Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở của Trung tâm hiện nay để phát triển Trung tâm xứng đáng với tầm cỡ cần có trong ĐHQGHN danh tiếng.

Một số định hướng ban đầu có thể như sau:

a. Chức năng: Đẩy mạnh chức năng Tư vấn và Dịch vụ (như đã được ghi trong Điều lệ Thành lập Trung tâm) bên cạnh các chức năng Đào tạo, Nghiên cứu Khoa học về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững.

b. Tổ chức và cơ chế quản lý:

- Tăng cường các đơn vị nghiên cứu – triển khai dưới hình thức các doanh nghiệp KHCN, các trung tâm nghiên cứu – triển khai, tư vấn..., theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ.

- củng cố và tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh, đặc biệt là các nhóm mang tính liên ngành cao (một thế mạnh của ĐHQGHN) với quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao trong quản lý, chuyên môn và tài chính.

- Đa dạng hóa các đề tài, dự án theo cơ chế thị trường.

Các hướng chuyên môn: Tập trung vào Hệ sinh thái/Kinh tế sinh thái (Ecological Economics), theo hướng liên ngành, phục vụ cho phát triển bền vững, và ứng phó với BĐKH, hội nhập với Chương trình Đánh giá Hệ sinh thái (HST) Thiên niên kỷ của Quốc tế, nhằm giải quyết các vấn đề thực tế trên cơ sở thích ứng (Resilience) cao trong việc ra quyết định, trong quy hoạch, kế hoạch và tiên phong trong việc triển khai hướng đột phá của ngành Tài nguyên và môi trường – Kinh tế hóa, Tài chính hóa tài nguyên và môi trường hiện nay.

Các lĩnh vực cụ thể có thể bao gồm:

- Môi trường và con người (Human Ecology);
- Bảo tồn và phục hồi các HST đã suy thoái (Conservation Ecology);
- Lượng giá các dịch vụ HST (Natural Resource and Environmental Economics);



- Ứng phó với BĐKH: Tư vấn về thể chế, chính sách xây dựng, các mô hình cộng đồng thích ứng với BĐKH, xây dựng năng lực và nâng cao nhận thức.

- Tích hợp (Mainstreaming) các yếu tố môi trường, BĐKH và phát triển bền vững vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển các cấp (Systems Ecology), phục vụ cho ba chương trình/kế hoạch lớn của đất nước, xuyên suốt Thế kỷ XXI và xa hơn là: Chiến lược/Kế hoạch Hành động Phát triển Bền vững của Việt Nam (đang được soạn thảo trên cơ sở Agenda 21 của Việt Nam), Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với BĐKH và Chương trình Quốc gia thực hiện Chiến lược Phòng tránh và Giảm nhẹ Thiên tai.

c. Về phương pháp luận: Tiếp tục phát huy các cách tiếp cận truyền thống mà Trung tâm đã áp dụng một cách hiệu quả:

- Dựa trên HST (hệ thống, tích hợp và liên ngành);
- Dựa vào cộng đồng (Community-based, Right-based, Community-managed Approaches).

d. Về phương pháp nghiên cứu: Kết hợp các phương pháp kinh điển, truyền thống với việc tăng cường các phương pháp hiện đại, định lượng (Viễn thám, GIS, Mô hình toán...).

e. Về đào tạo

- Hoàn thiện và phát triển Chương trình đào tạo 6 tháng “Tiếp cận sinh thái trong quản lý tài nguyên và môi trường” và Mã số đào tạo sau đại học “Môi trường và Phát triển bền vững” hiện nay;
- Mở thêm nhánh đào tạo Thạc sĩ/Tiến sĩ thực hành của mã ngành “Môi trường và Phát triển bền vững” (Executive M.Sc./Ph.D. Program in Environment and Sustainable Development);
- Mở các khóa đào tạo ngắn hạn, phục vụ các nhu cầu thực tế: Biến đổi khí hậu, quản lý tổng hợp lưu vực sông, đánh giá môi trường chiến lược, tích hợp trong lập quy hoạch, kế hoạch...;
- Tập trung thời gian để biên soạn các tài liệu đào tạo, trên cơ sở thực tiễn của những kết quả nghiên cứu.

KẾT LUẬN

Sau 25 năm hoạt động, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành tốt sứ mạng của một trung tâm được thành lập sớm nhất của Việt Nam nghiên cứu về tài nguyên và môi trường. Trong bối cảnh thay đổi toàn cầu hiện nay, Trung tâm cần có những đột phá để tiếp tục phát triển theo mô hình một viện nghiên cứu, với sứ mệnh, tầm nhìn, nội dung hoạt động và cơ chế quản lý được đổi mới trong ĐHQGHN danh tiếng, đang từng bước phát triển thành một đại học nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, ngang tầm khu vực và thế giới.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1985 - 2010) CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TS. Võ Thanh Sơn

Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN



NHỮNG NGÀY ĐẦU BỜ NGÕ, TRẦN TRỞ

Sau khi thành lập vào năm 1985 và trong những ngày đầu bờ ngõ xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường trước kia, là tiền thân của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường hiện nay, những nhà khoa học đi tiên phong trong lĩnh vực môi trường như GS. Võ Quý, GS. Lê Trọng Cúc, GS. Lê Thạch Cán, GS. Lê Quý An, GS. Phan Nguyên Hồng, GS. Nguyễn Quang Mỹ, GS. Phạm Ngọc Đăng, GS. Lê Hồng Kế, GS. Nguyễn Thượng Hùng, GS. Trần Công Tấu, GS. Lê Văn Khoa, TS. Nguyễn Ngọc Sinh, PGS. Phạm Bình Quyền, PGS. Lê Diên Dực, GS. Đặng Trung Thuận, TS.

Hoàng Văn Thắng, PGS. Vũ Quyết Thắng... đã nỗ lực tìm tòi, triển khai nhiều đề tài nghiên cứu, đặc biệt là trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về Bảo vệ, phục hồi và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường (Mã số 52-02) trong thời gian trước đó, và Chương trình quốc gia về Tài nguyên và môi trường (Mã số 52-Đ) giai đoạn 1986-1990. Một nỗi trăn trở lớn của cán bộ khoa học của Trung tâm lúc bấy giờ là làm thế nào đào tạo được đội ngũ các nhà khoa học trẻ về môi trường cho đất nước, trong khi nhận thức của xã hội về môi trường còn rất hạn chế và mọi người dân vẫn đang còn lo lắng chuyện “cơm, áo, gạo, tiền” cho cuộc sống khó nhọc của mình.



KHÓA HỌC ĐẦU TIÊN VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Trong lúc đang tìm cách xây dựng khóa đào tạo về môi trường thì thông qua hợp tác quốc tế, năm 1988, GS. Võ Quý đã gặp GS. Manfred, Giám đốc Tổ chức OroVerde, Cộng hòa Liên bang Đức. Đây là một tổ chức hoạt động về bảo tồn thiên nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái ở vùng nhiệt đới. Trong cuộc gặp mặt đó, GS. Võ Quý đã được vị giáo sư này tặng một bộ sách về quản lý tài nguyên và môi trường. Từ nội dung của cuốn sách đó, với sự cộng tác của GS. Lê Thạc Cán, ý tưởng xây dựng một chương trình bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu và cán bộ quản lý trong lĩnh vực sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và quản lý môi trường của Trung tâm đã ngày càng được hình thành rõ nét. Cũng thông qua việc hợp tác với OroVerde, GS. Võ Quý đã nhận được sự hỗ trợ đầu tiên về đào tạo. Khóa bồi dưỡng “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên” được hình thành từ đó và được tổ chức lần đầu vào năm 1989. Đây là chương trình đào tạo bài bản đầu tiên về môi trường được tổ chức ở Việt Nam lúc bấy giờ, trong 6 tháng liên tục, nên thường được gọi ngắn gọn là “Lớp 6 tháng”. Khóa học đã quy tụ được các học viên đến từ mọi miền đất nước, chủ yếu là từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các vườn quốc gia và khu bảo tồn. Giảng viên của khóa học lúc đó phần lớn là các cán bộ nghiên cứu tham gia Chương trình 52-Đ về Bảo vệ môi trường và một số cán bộ quản lý từ các bộ, ngành trung ương. Nhiều chuyên gia nước ngoài đến làm việc với Trung tâm cũng tham gia giảng dạy.

Ngoài thời gian học lý thuyết trên lớp, học viên đã được đi tham quan học tập thực tế tại các cơ

sở sản xuất, các trạm thủy điện, các vườn quốc gia và khu bảo tồn, sau đó hoàn thành tiểu luận cuối khóa. Những khóa học này đã góp phần đào tạo nên những cán bộ đầu tiên trong lĩnh vực về tài nguyên và môi trường ở Việt Nam, trong bối cảnh vào cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, Chính phủ Việt Nam bắt đầu kiện toàn hệ thống thể chế, chính sách về quản lý môi trường, cụ thể là thành lập Cục Môi trường (1990), xây dựng Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 1991-2000 (1991) và xây dựng Luật Bảo vệ môi trường (1993).

Từ đó đến nay, nhiều học viên từ những khóa bồi dưỡng này đã trở thành những cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý nòng cốt trong các đơn vị có liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong toàn quốc.

PHỤC VỤ NHU CẦU CẤP BÁCH CỦA XÃ HỘI VỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG





Trung tâm đã tổ chức Khóa bồi dưỡng 6 tháng trong vài năm liên tục (1989-1993), đào tạo được hơn 100 cán bộ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và cũng góp phần mở rộng mạng lưới nghiên cứu của Trung tâm và đào tạo nguồn lực cho đất nước. Bối cảnh lúc này là Luật Môi trường vừa được thông qua (1993) và nhiệm vụ cấp bách của Cục Môi trường (1990) (tiền thân của Bộ Tài nguyên và Môi trường bây giờ) là đào tạo ngay đội ngũ cán bộ đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển. Trung tâm lại nhận trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này trong khuôn khổ thực hiện Dự án về “Đào tạo nguồn nhân lực cho Việt Nam về đánh giá môi trường” (1994-1996) do Tổ chức IDRC và CIDA (Canada) tài trợ, với mục đích nâng cao năng lực về công tác đánh giá tác động môi trường cho Việt Nam.

Dựa trên kinh nghiệm tổ chức các khóa 6 tháng về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên”, 2 khóa bồi dưỡng sau đại học trong 1 năm mỗi khóa về “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” đã kết hợp được kiến thức tổng hợp về tài nguyên và môi trường của Khóa 6 tháng và bổ sung thêm khối kiến thức và kỹ năng về đánh giá tác động môi trường cho 50 học viên là cán bộ đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ quan quản lý các cấp liên quan đến tài nguyên và môi trường. Giảng viên là các chuyên gia cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý trong mạng lưới của Trung tâm và các chuyên gia đến từ Canada. PGS. Vũ Quyết Thắng (hiện nay đang công tác tại Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên) là người đã dành nhiều tâm huyết để tổ chức thành công 2 khóa bồi

dưỡng này. Những học viên tham gia các khóa bồi dưỡng về “Quản lý và đánh giá tác động môi trường” đã trở thành những chuyên gia nòng cốt trong lĩnh vực quản lý môi trường của đất nước, đặc biệt là trong lĩnh vực đánh giá tác động môi trường.

Việt Nam, với $\frac{3}{4}$ diện tích là trung du miền núi, và sau 20 năm chiến tranh kết thúc, vẫn còn đến hơn 13 triệu ha đất trống đồi núi trọc. Nhiệm vụ phục hồi đất đai bị suy thoái cũng như sử dụng hiệu quả vùng trung du miền núi trở thành một công việc cấp bách lúc bấy giờ. Sự hợp tác đầy hiệu quả của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường với Trung tâm Đông - Tây (Hoa Kỳ) và Quỹ Toyota (Nhật Bản), với dự chỉ đạo sát sao của GS. Lê Trọng Cúc, đã phối hợp tổ chức 6 khóa bồi dưỡng sau đại học trong 3 tháng, về “Quản lý bền vững tài nguyên miền núi” với 155 học viên trong giai đoạn 1995-2000. Khóa bồi dưỡng, với mục đích cung cấp kiến thức về quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển kinh tế-xã hội ở vùng miền núi Việt Nam, đã quy tụ được các học viên là cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý và những người hoạt động thực tiễn ở các cơ quan và tổ chức có liên quan. Điểm khác biệt của các khóa bồi dưỡng sau đại học này là sự kết hợp giữa cung cấp kiến thức lý thuyết, tham quan thực địa, xây dựng đề xuất dự án và triển khai nghiên cứu nhỏ theo nguyên tắc vừa học vừa làm. Thời gian thực sự triển khai lớp tập huấn kéo dài từ 9 tháng đến 1 năm, bao gồm 3 tháng học lý thuyết và 6-9 tháng thực hành.

Tóm lại, trong giai đoạn 1989-2010, Trung tâm đã tổ chức được 3 chương trình bồi dưỡng sau

đại học trung hạn và ngắn hạn, ít nhiều có tính liên tục và hệ thống. Nội dung các khóa đào tạo đều bao gồm lý thuyết, kết hợp với tham quan khảo sát thực địa và kết thúc bằng tiến hành nghiên cứu độc lập, viết báo cáo và bảo vệ trước các Hội đồng. Phương pháp học tập đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa thuyết trình của giảng viên, thảo luận nhóm, tham quan khảo sát thực địa và nghiên cứu theo cách tiếp cận liên ngành, nên đã trang bị được cho các học viên kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu sắc. Các khóa tập huấn đã tập hợp, biên soạn và thường xuyên cập nhật một khối lượng lớn tài liệu giảng dạy theo các chương trình hiện đại của nước ngoài và thích ứng với thực tiễn của Việt Nam. Tổng số học viên tham gia các khóa bồi dưỡng đã lên đến 562 học viên, đến từ hầu hết các tỉnh thành trong toàn quốc. Nhiều học viên hiện nay đã đứng ở vị trí then chốt trong các viện nghiên cứu, các trường đại học và các cơ quan quản lý liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường, góp phần vào sự nghiệp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở nước ta.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN LỰC NHẪM PHỤC VỤ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH

Vào những năm đầu của thế kỷ 21, vấn đề môi trường ở Việt Nam không chỉ được nhìn nhận một cách riêng rẽ, mà bắt đầu được xem xét trong mối liên hệ hài hòa với khía cạnh kinh tế và xã hội, trong khuôn khổ phát triển bền vững, thông qua sự kiện Hội nghị thượng đỉnh về Phát triển bền vững ở Johannesburg, Nam Phi (2002) ở trên thế giới và việc Chính phủ phê duyệt “Định hướng Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” (2004). Năm bắt được xu thế đó, Ban Giám đốc của Trung tâm, dưới sự chỉ đạo sát sao của GS. Trương Quang Học đã xây dựng, đề xuất Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững, là chương trình đầu tiên ở Việt Nam theo hướng chuyên ngành này và được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt vào năm 2004. Việc một Trung tâm như Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường được đào tạo chương trình sau đại học chính thống có bằng cấp về một chuyên ngành mới có tính liên ngành là sự ghi nhận của Đại học Quốc gia Hà Nội về những nỗ lực không biết mệt mỏi của các thế hệ cán bộ của Trung tâm, cũng như những kết quả vượt bậc trong 20 năm đào tạo nguồn nhân

lực về môi trường cho đất nước. Đây thực sự là bước ngoặt, bước đột phá cho hoạt động đào tạo của Trung tâm.

Bắt đầu từ năm 2004 cho đến nay, Trung tâm đã và đang tổ chức đào tạo cho 53 học viên thạc sĩ trong 6 khóa học, trong đó có 30 học viên (57%) đến từ các bộ và các đơn vị thuộc bộ trong cả nước; 16 nghiên cứu sinh trong 5 khóa, trong đó có 9 đến từ các trường đại học và 5 đến từ các bộ, ngành. Bắt đầu từ năm 2007, theo như kế hoạch đào tạo chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội, Chương trình thạc sĩ đã được chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ.

Từ năm 2005, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường và Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam đã liên kết tổ chức đào tạo thạc sĩ chuyên ngành “Môi trường trong phát triển bền vững”, nhằm phát huy thế mạnh của cả hai bên, cụ thể là phát huy vị thế đầu ngành của Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung và của Trung tâm nói riêng trong đào tạo cũng như nghiên cứu liên ngành, đa lĩnh vực và tận dụng được vị thế của Viện là một cơ quan nghiên cứu đầu ngành, mang tính ứng dụng cao của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Sự liên kết đào tạo này sẽ là một cơ hội phát triển mới cho Trung tâm trong hoạt động đào tạo và phục vụ thực tiễn.

Bước đột phá không những chỉ dừng ở cấp độ đào tạo thạc sĩ, mà còn tiến thêm một bước lên cấp độ đào tạo tiến sĩ. Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trung tâm góp phần vào đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững cho các bộ ngành và trường đại học có liên quan, đồng thời thực hiện định hướng xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành một trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực.

ĐEM VẤN ĐỀ CỦA XÃ HỘI VÀO TRONG LỚP HỌC

Câu nói cửa miệng về phương pháp học tập nói chung là “Học đi đôi với hành”. Trung tâm thực tế đã áp dụng khẩu hiệu này trong các khóa bồi dưỡng và đào tạo sau đại học, khi mà phần lớn học viên là cán bộ đang công tác tại các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và quản lý các cấp, là những người nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực mà họ hoạt động. Những học viên này đem đến lớp học những khó khăn thách thức trong công việc của mình và các giảng viên của các khóa bồi dưỡng và đào tạo, ngoài việc truyền đạt những kiến thức sâu rộng cho học



viên, lại giữ vai trò của một chuyên gia tư vấn giải quyết vấn đề của xã hội liên quan đến tài nguyên và môi trường. Qua các buổi học, nhiều khi diễn ra ở dạng trao đổi thảo luận, các giảng viên đã cung cấp cho học viên khối kiến thức lý thuyết tổng hợp mà các học viên còn thiếu, đồng thời nhận được những thông tin và vấn đề xã hội bức xúc đang đặt ra ở các địa phương. Như vậy, thông qua hình thức này, các giảng viên, bằng kiến thức và kinh nghiệm của mình, đã góp phần vào giải quyết những vấn đề nóng bỏng tại các địa phương.

Một hình thức mới nhằm trao đổi, chia sẻ, học hỏi và thảo luận để cùng tiến tới giải quyết vấn đề của địa phương đã được thực hiện trong khuôn khổ Dự án “Đào tạo nguồn nhân lực để phục hồi và tái sử dụng các vùng đất bị suy thoái do chất độc hóa học do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh” cho tỉnh Quảng Trị, do Quỹ Ford tài trợ. Trong năm 2007-2009, Trung tâm đã tổ chức 5 khóa hội thảo tập huấn, trong đó 4 khóa về kiến thức khoa học kỹ thuật về “Phục hồi và tái sử dụng các vùng đất bị suy thoái bởi chất độc hóa học” và 1 khóa về kỹ năng viết đề xuất dự án, cho tổng số 232 lượt học viên là cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nông dân sản xuất giỏi của tỉnh Quảng Trị và 7 huyện của tỉnh. Một điều khác biệt là, nhiều buổi học đã trở thành diễn đàn cho các nhà khoa học của các trường đại học, các viện nghiên cứu ở trung ương và các nhà quản lý, các cán bộ kỹ thuật và người nông dân ở địa phương cùng thảo luận để giải quyết nhiều vấn đề của địa phương. Đây có lẽ cũng là một cách tiếp cận mới trong đào tạo nguồn lực, nhằm phát huy thế mạnh của từng giảng viên và học viên trong giải quyết những vấn đề phức tạp, mang tính liên ngành.

Trung tâm đang có kế hoạch tiếp tục nhân rộng hình thức đào tạo nguồn lực cho tỉnh Thừa Thiên Huế và điều chỉnh chương trình đào tạo này cho phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh sau khi rút kinh nghiệm những kết quả thực hiện Dự án ở tỉnh Quảng Trị.

ĐÀO TẠO ĐỂ XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU VÀ NGHIÊN CỨU ĐỂ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

Trong hơn 20 năm tổ chức liên tục các khóa bồi dưỡng và đào tạo các cấp, Trung tâm đã đào tạo được hàng nghìn cán bộ, xây dựng được một mạng lưới cộng tác viên rộng khắp, từ trung ương đến địa phương, từ miền núi đến miền xuôi, từ thành phố đến nông thôn, trong các cơ quan nghiên cứu, đào tạo và quản lý liên quan đến tài nguyên và môi trường. Tuy tham gia các khóa đào tạo với danh nghĩa là học viên, nhưng thực tế các học viên này luôn được Trung tâm coi là đồng nghiệp của mình để cùng chia sẻ, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau thảo luận để giải quyết những vấn đề chung của đất nước. Khi đã hiểu được cách thức làm việc này ở Trung tâm, các học viên khi trở về địa phương, cơ quan mình lại trở thành các cộng tác viên tích cực và cầu nối ở địa phương với Trung tâm trong sự nghiệp nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực về tài nguyên và môi trường cho đất nước.

LÀ ĐẦU MỐI ĐÀO TẠO LIÊN NGÀNH VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Trung tâm đã thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại học Quốc gia Hà Nội giao cho là làm đầu mối trong nghiên cứu và đào tạo mang tính liên ngành về tài nguyên và môi trường, thậm chí ngay từ những năm Trung tâm trực thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (trước năm 1995). Trong những đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội đóng góp nhiều vào hoạt động đào tạo của Trung tâm, trước hết phải kể đến Khoa Sinh học ngay từ những năm đầu tiên và Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, từ những năm sau này. Những cán bộ Khoa Sinh học đã và hiện vẫn đang tham gia tích cực vào quá trình này như GS. Lê Văn Khoa, GS. Mai Đình Yên, GS. Nguyễn Lân Dũng, sau đó là sự đóng góp rất lớn của Ban Chủ nhiệm Khoa các giai đoạn như GS. Vũ Văn Vụ, PGS. Nguyễn Xuân Quỳnh và PGS. Nguyễn Xuân Huấn trong hỗ trợ công tác chuyên môn và đặc biệt là tham gia đồng quản lý Quỹ Học bổng NAGAO trong những năm 1990 và đầu những năm 2000, góp phần quan trọng vào việc tuyển chọn nhiều học viên cao học nhận học bổng trong ngành Sinh học nói chung và của Khoa Sinh học nói riêng, và đồng thời Ban Chủ nhiệm Khoa cũng đã cử nhiều cán bộ có kinh nghiệm tham gia vào các khóa bồi dưỡng của Trung tâm. Đối với Chương trình đào tạo sau đại học của Trung tâm, Khoa Môi trường (vừa kỷ niệm thành công 15 năm ngày thành lập Khoa) giữ một vai trò rất quan trọng và hỗ trợ cho Trung tâm rất nhiều trong việc phối kết hợp tuyển sinh cao học cho Chương trình thạc sĩ về “Môi trường trong phát triển bền vững” và cử nhiều cán bộ giỏi tham gia giảng dạy các khóa đào tạo của Trung tâm, như GS. Lê Văn Khoa, PGS. Trịnh Thị Thanh, PGS. Vũ Quyết Thắng và PGS. Trần Yên... Trong những năm gần đây, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội đã thường xuyên phối hợp với Trung tâm trong công tác giảng dạy những chuyên ngành thuộc lĩnh vực xã hội trong các khóa bồi dưỡng và đào tạo sau đại học. Những hỗ trợ quý báu đó của các đơn vị bạn trong Đại học Quốc gia Hà Nội đã góp phần quan trọng vào những thành công của Trung tâm trong suốt thời gian xây dựng và phát triển của mình.

HUY ĐỘNG SỰ HỖ TRỢ QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Trung tâm đã huy động được một nguồn lực đáng kể, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho hoạt động đào tạo. Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, khi sự hỗ trợ của Nhà nước còn hạn chế, thì sự hỗ trợ này đặc biệt hữu ích. Như vậy, tất cả những khóa bồi dưỡng sau đại học của Trung tâm đều có sự tài trợ của các tổ chức nước ngoài, bao gồm các khóa bồi dưỡng 1 năm, 6 tháng và 3 tháng và các khóa ngắn hạn khác. Trong 25 năm qua, những nhà tài trợ chính cho các khóa đào tạo cho Trung tâm có thể kể đến là Tổ chức OroVerde, Inwent, GTZ (Đức), Trung tâm Đông - Tây, Quỹ Ford



(Hoa Kỳ), Quỹ Toyota (Nhật Bản), IDRC và CIDA (Canada), BTC (Vương Quốc Bỉ) và nhiều tổ chức khác không nêu hết được ở đây. Sự giúp đỡ của các tổ chức đó đã được cán bộ của Trung tâm tích cực thực hiện để đạt được hiệu quả cao, trước hết là những nỗ lực to lớn của các thế hệ lãnh đạo trước kia của Trung tâm như GS. Võ Quý, GS. Lê Trọng Cúc, GS. Phan Nguyên Hồng, GS. Trương Quang Học, PGS. Lê Diên Dực, PGS. Phạm Bình Quyền và cũng như thông qua sự hợp tác của đội ngũ cán bộ khoa học trẻ hơn như TS. Hoàng Văn Thắng, TS. Võ Thanh Sơn, Th.S. Võ Thanh Giang, Th.S. Vũ Minh Hoa, Th.S. Trần Thu Phương... Nhờ sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật này mà Trung tâm đã có điều kiện đào tạo được một đội ngũ cán bộ về tài nguyên và môi trường trong toàn quốc.

Các hoạt động nghiên cứu và đào tạo của Trung tâm đã tạo dựng được uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu gắn kết với đào tạo về lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên

thiên nhiên. Chính vì vậy, thông qua sự hợp tác của GS. Võ Quý cùng với sự cộng tác của anh Lê Văn Lan (lúc đầu là cán bộ của Trung tâm và hiện nay là cán bộ của Khoa Môi trường), Quỹ Môi trường Thiên nhiên NAGAO (NAGAO Natural Environmental Foundation - NEF) là một tổ chức phi chính phủ của Nhật Bản, với mục tiêu thúc đẩy công tác bảo tồn thiên nhiên tại các nước đang phát triển, đã chọn Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội làm cơ quan đại diện duy nhất cho Quỹ này tại Việt Nam từ năm 1995. Hàng năm, Quỹ Học bổng NAGAO cấp cho 24 học bổng với mục đích hỗ trợ các học viên xuất sắc đang theo học chương trình thạc sĩ tại Việt Nam, chuyên ngành bảo vệ thiên nhiên và đa dạng sinh học, nhưng gặp hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí học tập và nghiên cứu. Thông qua tổ chức và điều phối của Trung tâm, đến nay Quỹ NEF đã cấp tổng cộng 356 xuất học bổng cho sinh viên cao học trên toàn quốc trong lĩnh vực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Hơn nữa, thông qua chương trình hợp tác với Trung tâm Đa dạng Sinh học và Bảo tồn thuộc Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ, từ năm 2008, Trung tâm đã phối hợp tổ chức một số hội thảo về đào tạo bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam nhằm tăng cường năng lực bảo tồn tại địa phương và các trường đại học trong cả nước. Từ năm 2009, Trung tâm bắt đầu soạn thảo một số mô đun dựa trên các mô đun chuẩn về bảo tồn đa dạng sinh học đã được sử dụng

rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Pêru, Mêhicô và Lào và bổ sung thêm các thông tin về bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam. Dự kiến vào năm 2011, Trung tâm sẽ tiến hành một số khóa đào tạo tập trung cho các cán bộ làm công tác bảo tồn tại các khu bảo tồn ở miền Trung. Chương trình này hiện được Quỹ MacArthur và Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ tài trợ.

CHỦ ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CHO TRUNG TÂM – CƠ SỞ CỦA SỰ THÀNH CÔNG

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác cán bộ và trình độ ngoại ngữ, từ khi thành lập cho đến nay, các thế hệ cán bộ lãnh đạo của Trung tâm luôn luôn khuyến khích cán bộ trẻ học ngoại ngữ và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, nhằm nâng cao trình độ và kinh nghiệm của mình. Chính vì vậy, phần lớn cán bộ của Trung tâm đều có cơ hội được đào tạo bài bản ở nước ngoài trong các trường đại học lớn của các nước phát triển. Cho đến nay, Trung tâm đã có 25 cán bộ có bằng thạc sĩ, trong đó 20 cán bộ được đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu ở các nước Ôxtrâyli-a, Niu Dilân, Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, Bỉ, Tây Ban Nha và 5 cán bộ đào tạo thạc sĩ trong nước. 11 cán bộ có học vị tiến sĩ, trong đó có 7 người đào tạo ở nước ngoài tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada, Hà Lan và 4 đào tạo ở





Việt Nam. Vì vậy, Trung tâm có một thế mạnh nổi bật là phần lớn cán bộ đều có thể làm việc với người nước ngoài bằng ngoại ngữ và đây cũng là cơ sở cho các dự án hợp tác quốc tế phát triển mạnh mẽ ở Trung tâm.

TỰ TIN VỮNG BƯỚC ĐI LÊN

Nhìn lại 25 năm xây dựng và phát triển của Trung tâm, điểm qua những thành tựu mà chúng ta đã đạt được, đặc biệt là trong lĩnh vực đào tạo nguồn lực về tài nguyên và môi trường cho đất nước, trong chúng ta trào dâng cảm xúc tự hào. Tuy nhiên, những khó khăn và thách thức còn nhiều và ngày càng phức tạp, khi mà đất nước ngày càng hội nhập mạnh mẽ vào tiến trình phát triển của thế giới. Với một đội

ngũ trẻ năng động đã được đào tạo bài bản, với một truyền thống đáng tự hào của thế hệ cha anh, và những thành tựu đáng ghi nhận về nghiên cứu khoa học, đào tạo và hợp tác quốc tế do nỗ lực không biết mệt mỏi của các thế hệ cán bộ của Trung tâm, chúng ta có quyền tin tưởng rằng Trung tâm sẽ ngày càng phát triển, góp phần to lớn hơn nữa vào sự nghiệp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.

Công việc trong tương lai còn nhiều, nhưng trước mắt, chúng ta cần củng cố những kết quả đã đạt được bằng những ưu tiên sau đây:

- i) Duy trì và phát triển các khóa đào tạo truyền thống sau đại học của Trung tâm theo hướng thích ứng hơn nữa với nhu cầu luôn biến động của xã hội, đặc biệt là về các chủ đề liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.
- ii) Mở rộng quy mô Chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững.
- iii) Xây dựng Chương trình đào tạo thạc sĩ tiên tiến chuyên ngành Quản lý môi trường theo định hướng Chương trình 165 của Chính phủ hoặc Chương trình 16/23 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

THAY CHO LỜI KẾT

Những kết quả nêu trên về đào tạo của Trung tâm trong 25 năm qua không thể tách rời sự chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác của các đồng nghiệp, các cơ quan, các cộng đồng địa phương, các tổ chức quốc tế có liên quan, các đơn vị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước kia và Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay, đặc biệt là Khoa Sinh học, trong công tác chuyên môn và chia sẻ cơ sở vật chất trong nghiên cứu đào tạo. Chúng tôi rất mong vẫn được các cơ quan trên tiếp tục hỗ trợ, hợp tác trong thời gian tới để Trung tâm có được những thành quả to lớn hơn nữa.

Nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, chúng tôi xin một lần nữa bày tỏ lời cảm ơn tới các cơ quan, đơn vị có liên quan về sự hỗ trợ và hợp tác quý báu nói trên. Mong rằng Trung tâm sẽ luôn được vinh dự đón nhận nhiều hợp tác, hỗ trợ chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa, với mục đích cao cả là góp phần mình vào sự nghiệp đào tạo nguồn lực nhằm xây dựng Việt Nam trở thành một nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

THÀNH TỰU ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CỦA TRUNG TÂM QUA NHỮNG CON SỐ

Các mốc son:

- 1985: Thành lập Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, trực thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội
- 1989: Khóa bồi dưỡng 6 tháng về “Tiếp cận sinh thái học trong quản lý tài nguyên thiên nhiên”, tổng cộng 14 khóa, 357 học viên (1989-2010), vẫn đang tiếp tục.
- 1994: Khóa bồi dưỡng 1 năm về “Đánh giá tác động môi trường”, tổng cộng 2 khóa, 50 học viên (1994-1996).
- 1995: Thành lập lại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- 1995: Khóa bồi dưỡng 3 tháng về “Quản lý tài nguyên miền núi”, tổng cộng 6 khóa, 155 học viên (1995-2000).
- 2004: Khóa đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững, tổng cộng 7 khóa, 74 học viên (2004-2010), vẫn đang tiếp tục.
- 2005: Khóa đào tạo tiến sĩ ngành Khoa học môi trường, chuyên ngành Môi trường trong phát triển bền vững, tổng cộng 6 khóa, 19 nghiên cứu sinh (2005-2010), vẫn đang tiếp tục.

Học viên sau đại học đến từ:

- Bộ:** 10 bộ, đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Sở:** 2 sở chính trong toàn quốc (Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Vườn quốc gia:** 24/30 vườn quốc gia trong toàn quốc.
- Địa phương:** Phần lớn trong 64 tỉnh, thành trong cả nước.
- Trường đại học:** 2 Đại học Quốc gia (Hà Nội và TP. HCM) và 10 trường đại học trong toàn quốc.
- Viện nghiên cứu:** Từ nhiều viện, đặc biệt là Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật
- Tổ chức phi chính phủ:** Từ nhiều tổ chức, đặc biệt là IUCN.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC ĐẤT NGẬP NƯỚC

PGS.TS. Lê Diên Dực

Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

KHỞI NGHIỆP VÀ THÀNH QUẢ

Mặc dù đất ngập nước (ĐNN) rất quan trọng, hiện nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới, ĐNN đang bị giảm diện tích và suy thoái ở mức độ nghiêm trọng. Những nghiên cứu chuyên sâu về đa dạng sinh học (ĐDSH), chức năng cũng như lợi ích của ĐNN vẫn chưa được thực hiện một cách chi tiết và có hệ thống. Những ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên cũng như các nhân tố kinh tế-xã hội đến các vùng ĐNN nói chung vẫn chưa được tìm hiểu và nghiên cứu một cách đầy đủ.

Trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về Tài nguyên và môi trường 52-02 năm 1981-1985 và 52-Đ năm 1986-1990, Nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước (WWWG) của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chim nước và đất ngập nước, trước hết tại đồng bằng sông Cửu Long (không bao gồm các hoạt động Nghiên cứu của Ban nghiên cứu HSTRNM). WWWG những ngày đầu bao gồm PTS. Lê Diên Dực (Nhóm trưởng), Cử nhân Hoàng Văn Thắng và Cử nhân Lê Đình Thủy (thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật).

Về cơ bản, WWWG đã đặt nền móng cho hoạt động trong lĩnh vực ĐNN và chim nước của CRES cho đến ngày nay như những nghiên

cứu về quản lý và sử dụng bền vững ĐNN dựa vào cộng đồng và các mô hình theo cách tiếp cận trên đã được áp dụng, trong đó, mô hình phục hồi rừng ngập mặn theo mô hình ao tôm sinh thái đã được công nhận là giải pháp hữu ích. Hoạt động đeo vòng chim (bird banding scheme) đã được thực hiện rất sớm, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu trong nước cũng như hợp tác quốc tế với Nhật Bản và Ôxtrâyliya, v.v... Có 3 thành viên của Nhóm được cấp giấy phép đeo vòng chim quốc tế, được đào tạo từ Ôxtrâyliya và Nhật Bản. Hiện nay, Việt Nam cũng đã phấn đấu có vòng chim của riêng mình, mang nhãn hiệu và địa chỉ của Việt Nam (CRES, VNU).

Luận án tiến sĩ của Lê Đình Thủy tại sân chim Bạc Liêu “Một số đặc điểm sinh thái, sinh học của các loài chim làm tổ tập đoàn ở sân chim Bạc Liêu, tỉnh Minh Hải và ứng dụng chúng trong việc quản lý sân chim” năm 1992 đã đóng góp nhiều tư liệu khoa học có giá trị cho công tác quản lý sân chim này.

Luận án tiến sĩ của Hoàng Văn Thắng (2005) “Đa dạng sinh học, các chức năng chính và một số tác động lên hệ sinh thái ĐNN khu vực Bàu Sấu, VQG Cát Tiên” đã xác định mô hình nghiên cứu ĐNN nội địa, tiếp cận những công trình và mô hình nghiên cứu hiện đại trên thế giới. Đây là phương pháp mới về nghiên cứu ĐNN nói chung ở VN.



NHỮNG NGÀY ĐẦU LẶN LỘI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (ĐBSCL) VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (ĐBSH) SAU NÀY

Những nghiên cứu của Nhóm ở ĐBSCL bao gồm: Điều tra khu hệ động vật tại các sân chim và bảo tồn các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long từ những năm 1980 trong khuôn khổ Chương trình cấp Nhà nước về Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (52-02) do Nhóm Nghiên cứu Chim nước và Đất ngập nước của CRES thực hiện. Các kết quả đạt được cụ thể là tại các địa điểm: Khu Bảo vệ Rừng tràm Vồ Dơi (Cà Mau), Sân chim Đầm Dơi (Ngọc Hiển cũ, thuộc tỉnh Cà Mau), Sân chim Bạc Liêu (Bạc Liêu), Sân chim Chà Là (Cái Nước, Bạc Liêu). Tại những sân chim này, Nhóm đều làm việc một thời gian dài, giúp đào tạo cán bộ và nhất là soạn kế hoạch quản lý cho từng sân chim. Qua đó, đã góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và sân chim nói riêng.

Một trong những thành quả đúc kết từ các nghiên cứu, khảo sát của Nhóm là việc cho ra đời cuốn tài liệu “Những sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long” của Lê Diên Dực năm 1990. Ngoài ra, nhóm còn có những cuộc khảo sát hoặc tìm hiểu về những sân chim khác thuộc tỉnh Minh Hải hồi đó như Khánh Lâm – U Minh, Hồ Thị Kỹ, Điền Đông A, Sân chim Bà Hính, thuộc huyện Hồng Dân, Minh Hải, v.v...

Điều tra bảo vệ Sếu cổ trụ hay Sếu đầu đỏ (*Grus antigone sharpii*) và ĐNN có liên quan tại huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp (1985-1991), hợp tác với ICF (International Crane Foundation), Hoa Kỳ và chính quyền địa phương có thể nói là một trong những mốc son của WWWG. Kết quả là đã thành lập được

Khu Bảo tồn Sếu cổ trụ tại Tràm Chim (nay là Vườn Quốc gia Tràm Chim). Trong các hoạt động này, phải kể đến:

Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý Khu Bảo tồn Sếu và CRES, trong đó có chuyến đi thực địa về bảo tồn ĐNN tại Hoa Kỳ cho 4 cán bộ, bao gồm 3 cán bộ của WWWG và một Phó Chủ tịch phụ trách bảo tồn của huyện Tam Nông (ông Ngô Quốc Thắng);

Xây dựng quy chế cho Khu Bảo tồn;

Xây dựng Trung tâm Giáo dục Môi trường Brehm: Nhà 2 tầng do CRES thực hiện bằng kinh phí của Quỹ Brehm (CHLB Đức);

Tổ chức Hội thảo quốc tế về Bảo vệ Sếu cổ trụ và ĐNN tại huyện Tam Nông, Đồng Tháp từ ngày 11 đến 17 tháng 1 năm 1990. Từ Hội thảo này, một kế hoạch quản lý chi tiết cho Khu Bảo tồn Sếu đã được thực hiện và áp dụng có kết quả. Cùng với Hội thảo là cuốn Kỷ yếu: Sếu cổ trụ và đất ngập nước do Lê Diên Dực làm chủ biên vào năm 1990, do Nhà Xuất bản Nông nghiệp in ấn.

Bên cạnh đó, WWWG đã phối hợp với Bộ Lâm nghiệp Campuchia tiến hành 2 cuộc khảo sát về sếu tại những vùng ĐNN quan trọng của nước bạn, nhưng không kết quả. Nhóm cũng đã thực hiện điều tra khu hệ động vật rừng tràm và bảo tồn hệ sinh thái độc đáo này tại Cà Mau và An Giang.

Song song với những hoạt động tại đồng bằng sông Cửu Long, Nhóm cũng đã triển khai các đợt khảo sát về chim di cư tại vùng cửa sông

Hồng, ven biển Quảng Ninh... và hợp tác với RAWSG (Royal Australian Wader Study Group) nghiên cứu và đeo vòng chim di cư tại Xuân Thủy, Nam Định.

Điều tra khu hệ chim di cư tại vùng cửa sông Hồng với việc thành lập Khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam vào năm 1989, với tư vấn về chuyên môn của WWFG.

Xuất bản các cuốn sách: “Khuyến nghị cho việc quản lý Khu Bảo vệ Xuân Thủy, đồng bằng sông Hồng, miền Bắc Việt Nam” của Lê Diên Dực, Derek A. Scott và John R. Howes vào năm 1989 và cuốn “Khu bảo vệ Xuân Thủy” của Lê Diên Dực năm 1990.

NHỮNG BƯỚC TIẾN TỰ TIN VÀ HỢP TÁC SÂU, RỘNG

Sau những bước khởi đầu đầy gian nan, vất vả, Nhóm đã định hướng được các hoạt động của mình trong lĩnh vực nghiên cứu về đất ngập nước và chim nước. Các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế đã được mở ra và đi vào chiều sâu. Trong đó phải kể đến:

Phối hợp với IUCN tổ chức Hội thảo về Hồi phục và quản lý rừng tràm tại Long Xuyên, An Giang từ 14-18 tháng 5 năm 1991 và cuốn Kỷ yếu Hội thảo, do Lê Diên Dực làm chủ biên, Nhà Xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội ấn hành.

Dự án hợp tác với Chương trình ĐNN của IUCN và Sở Lâm nghiệp tỉnh An Giang (1990-1991) về “Cất tinh dầu tràm xuất khẩu và nuôi ong tại nhà dân trong khu vực rừng tràm để tránh cháy rừng tràm do lấy mật ong hoang”.

Phối hợp với Trung tâm Đông - Tây, Hoa Kỳ thực hiện một nghiên cứu về chi phí, lợi ích của việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên của rừng tràm tại Đồng Tháp Mười (Lê Diên Dực và Hufschmidt, 1993).

Điều tra vùng làm tổ của Già đầy Gia va tại Lâm Ngư trường sông Chèm do IUCN tài trợ.

Phối hợp với IUCN, WWF và AWB (Asian Wetland Bureau) tiến hành:

Kiểm kê ĐNN Việt Nam, hoàn thành năm 1989 với cuốn “Kiểm kê ĐNN Việt Nam” của Lê Diên Dực;





Tham gia Kiểm kê đất ngập nước châu Á năm 1989;

Tổ chức Lớp tập huấn về Quản lý ĐNN tại huyện Xuân Thủy từ ngày 17-31 tháng 3 năm 1989, trong đó có cả những cán bộ từ Cà Mau, Bạc Liêu tham gia;

Tổ chức cho 4 cán bộ của huyện tham quan Khu Bảo tồn ĐNN Mai Pô, Hồng Kông để học hỏi kinh nghiệm áp dụng cho quản lý ĐNN của huyện, nhất là Khu Bảo tồn Xuân Thủy vào năm 1990 và năm 1995;

Hợp tác với Tổ chức Ecosystem Ltd., Hồng Kông tiến hành điều tra và tính số lượng Cò thìa trú đông tại Xuân Thủy vụ đông xuân năm 1990;

Trong khuôn khổ hợp tác với AWB, TS. Lê Diên Dục đã được mời làm tư vấn cho Chương trình Hồi phục Rừng tràm của Malaixia tại huyện Kelantan, miền Đông Bắc của nước này năm 1993;

Điều tra tình hình săn bắn và buôn bán chim di cư tại Khu Bảo tồn Xuân Thủy năm 1992.

Quản lý tổng hợp vùng ven biển huyện Tiền Hải, Thái Bình do Rockefeller Brothers Fund tài trợ (1995-1998), đã thử nghiệm thành công mô hình ao tôm sinh thái và đã được Cục Sở hữu Công nghiệp của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp bằng độc quyền “Giải pháp hữu ích” năm 1999 do Lê Diên Dục đứng tên.

Tổ chức Hội thảo quốc gia về Ao tôm sinh thái và các hoạt động trợ giúp tại Tiền Hải, Thái Bình từ ngày 5-6 tháng 5 năm 2000 và cuốn Kỷ yếu Hội thảo do Lê Diên Dục làm chủ biên, được in tại Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường vào năm 2000.

Giúp vùng đệm của Khu Bảo tồn này (Hội Cựu chiến binh) nuôi ong thành công trong rừng ngập mặn và Hội Phụ nữ trồng nấm trong hộ gia đình như là những nguồn thu nhập thay thế để giảm áp lực lên tài nguyên rừng ngập mặn trong hai năm 1998 và 1999, với sự tài trợ của Rockefeller Brothers Fund Hoa Kỳ và Keidanren Fund của Nhật Bản.

Dự án “Nhận thức môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển cộng đồng” do ORO VERDE tài trợ cũng đã được tiến hành tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiền Hải năm 2001.

Dự án cùng tên với dự án thực hiện tại Tiền Hải, cũng được tiến hành ở Khu Ramsar Xuân Thủy, do Đại sứ quán Hà Lan tại Hà Nội tài trợ năm 1998.

Cũng với mô hình đó, một dự án nuôi ong trong rừng ngập mặn đã được Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường triển khai tại hai xã Giao An và Giao Thiện thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Xuân Thủy vào tháng 8 năm 2003.

Một ao tôm sinh thái cũng đã được CRES triển khai áp dụng tại xã Giao An, huyện Giao Thủy năm 2008 để hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn của Vườn Quốc gia Xuân Thủy với kinh phí của Ramsar Small Grant Fund. Bên cạnh đó là những dự án phụ trợ nhỏ như trồng nấm và du lịch sinh thái trong hộ gia đình cũng đã được thử nghiệm tại vùng đệm của Khu Bảo tồn.

Giúp quy hoạch (phân vùng) và xây dựng kế hoạch quản lý cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Ven biển huyện Tiền Hải.

Giúp xây dựng tài liệu giảng dạy trong trường phổ thông của vùng đệm về rừng ngập mặn và hoạt động bảo tồn.

Tập huấn cho ngư dân vùng đệm về nuôi trồng thủy sản bền vững.

Mô hình ao tôm sinh thái và nuôi ong trong rừng ngập mặn cũng được triển khai tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào những năm 1995.

Tư vấn cho Chương trình Nghiên cứu quản lý tài nguyên ven biển Việt Nam của IDRC trong 2 năm 2000-2001.

Biên dịch bộ sách: “Các phương pháp tham gia trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng” do Viện Tài thiết Philipin xuất bản năm 1998 bằng tiếng Anh. Bản tiếng Việt do Nhà Xuất bản Nông nghiệp ấn hành năm 2000.

Trong khuôn khổ hợp tác với các trường đại học Canada (Đại học Saint Marys và 3 trường đại học New Brunswick, Dalhousie, v.v... và các trường đại học khác như Đại học Nông Lâm Phúc Kiến, Trung Quốc, Đại học Philipin ở Visaya và Đại học Nông Lâm và Đại học Khoa học Huế 1999-2008) về những dự án bảo tồn tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng do CIDA Canada tài trợ, CRES đã giúp xã Nam Thịnh – một xã trong vùng đệm của Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiên Hải, tỉnh Thái Bình – củng cố ý thức về nuôi trồng thủy sản bền vững. Dự án, do đó đã tiến hành tập huấn về xử lý rác tại cộng đồng và cấp các dụng cụ cần thiết cho việc thu gom và xử lý rác, nhằm giảm ô nhiễm.

Thực hiện đề tài “Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ ĐDSH đầm Ao Châu, Hạ Hòa, Phú Thọ dựa vào cộng đồng” (2002-2004), do GEF tại Việt Nam tài trợ.

Đề tài cấp ĐHQG do Trung tâm quản lý “Khảo sát, đánh giá và đề xuất kế hoạch quản lý và sử dụng bền vững đất ngập nước cửa sông ven biển huyện Nghĩa Hưng, Nam Định”.

Dự án Sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ thực hiện tại vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kê Gỗ, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, do Đại sứ quán Hà Lan tại Việt Nam tài trợ và Bộ NN&PTNT chủ trì, CRES là cơ quan phối hợp và thực hiện tại hiện trường (1998-2002).

Xây dựng mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, quản lý các HST nhạy cảm dựa vào cộng đồng tại đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định vào năm 2003, do Cục Bảo vệ Môi trường tài trợ.

Đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng tài nguyên

sinh học vùng cửa sông ven biển huyện Nghĩa Hưng, Nam Định và đề xuất giải pháp phát triển bền vững dựa vào cộng đồng, do PGS. Phạm Bình Quyền và các cộng sự thực hiện năm 2004.

Bước đầu nghiên cứu giá trị văn hóa và lịch sử của một số vùng ĐNN khu vực Bắc Bộ, do ThS. Trương Thanh Huyền thực hiện năm 2005.

Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng phục vụ phát triển bền vững ở một số xã cửa sông Tiên Yên, Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2006-2007.

Triển khai mô hình phục hồi HST rừng ngập mặn Khu Bảo tồn Thiên nhiên ĐNN Tiên Hải, Thái Bình, do PGS. TS Lê Diên Dực và các cộng sự thực hiện năm 2006-2007.

Vai trò giới trong khai thác và quản lý tài nguyên ven biển tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, do ThS. Trần Thu Phương và các cộng sự thực hiện năm 2007.

Đánh giá hiện trạng sử dụng đất ven biển của xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh, do ThS. Phạm Việt Hùng và các cộng sự thực hiện năm 2008.

Điều tra khảo sát các HST đặc thù đang bị suy thoái của VN và đề xuất giải pháp phục hồi, áp dụng thử nghiệm tại một vùng quan trọng, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2008-2010.

Triển khai áp dụng và hoàn thiện mô hình quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng phục vụ phát triển bền vững vùng cửa sông ven biển xã Đông Hải, huyện Tiên Yên và xã Đại Bình, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì, thực hiện năm 2008-2010.

Vai trò của phụ nữ trong sử dụng và quản lý ĐNN Hà Nội: Trường hợp của Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, do ThS. Trần Thu Phương chủ trì, thực hiện năm 2009-2010.

Mối liên hệ giữa khía cạnh văn hóa với việc quản lý bảo tồn và sử dụng khôn khéo ĐNN Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền chủ trì, thực hiện năm 2009-2010.

Khảo sát hiện trạng quản lý và sử dụng than bùn, đất than bùn nhằm đề xuất hướng giải pháp sử dụng khôn khéo: Trường hợp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, do ThS. Hàn Tuyết Mai chủ trì, thực hiện năm 2010-2011.

VÌ MỘT HÀ NỘI NGHÌN NĂM VĂN HIẾN, THÀNH PHỐ VÌ HÒA BÌNH

Đóng quân trên địa bàn Thành phố Hà Nội – một thành phố nghìn năm văn hiến, anh hùng, vì hòa bình, lại có các vùng đất ngập nước và các ao hồ rất đẹp và vô cùng quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần, tâm linh, cũng như môi trường và đa dạng sinh học – Nhóm đã có những nỗ lực trong việc xây dựng và triển khai các đề tài nghiên cứu, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn đất ngập nước Hà Nội, giáo dục nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân, học sinh và cán bộ quản lý của Thành phố, chẳng hạn như:

Bảo tồn và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội do IUCN Hà Lan, Sở KHCN&MT Hà Nội, Sở GD&ĐT Hà Nội, Trung ương Đoàn TNCS HCM, một số trường phổ thông cơ sở tại Hà Nội phối hợp thực hiện vào năm 2001-2003, do TS. Hoàng Văn Thắng chủ trì.

Đề tài: Ứng dụng mô hình toán sinh thái vào quản lý và bảo tồn ĐNN Hà Nội, do ThS. Phạm Việt Hùng chủ trì, phối hợp với Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN thực hiện năm 2003-2004.

Đề tài: Khảo sát, cập nhật đánh giá chức năng và giá trị của một số vùng ĐNN Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền chủ trì, phối hợp với Khoa Sinh học, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN thực hiện năm 2003-2004.

Đề tài: Vai trò của phụ nữ trong sử dụng và quản lý ĐNN Hà Nội, do ThS. Trần Thu Phương thực hiện năm 2009-2010.

Đề tài: Vai trò của ĐNN đối với văn hóa Hà Nội, do ThS. Trương Thanh Huyền thực hiện năm 2009-2010.

Đề tài: Nghiên cứu đề xuất quản lý ĐNN đô thị Hà Nội theo hướng đa mục tiêu: Nghiên cứu phục hồi và sử dụng công cộng, do ThS. Vũ Minh Hoa thực hiện năm 2009-2010.

Đề tài: ĐNN Hà Nội trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố Hà Nội, do TS. Hoàng Văn Thắng và GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc đồng chủ trì, phối hợp với Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển thực hiện năm 2009-2010.

Đề tài: Nghiên cứu đánh giá các giải pháp về thể chế, chính sách đối với việc sử dụng và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội, do ThS. Đặng Anh Tuấn thực hiện năm 2009-2010.

XÂY DỰNG NĂNG LỰC VÀ ĐỘI NGŨ KẾ CẬN

Từ những ngày đầu lặn lội ở đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven biển cửa sông Hồng với ba thành viên, đến nay, Nhóm Nghiên cứu Chim nước và ĐNN đã có 7 thành viên, trong đó có 1 PGS, 3 TS và 3 thạc sĩ, chưa kể các cộng tác viên ở nhiều bộ, ngành và địa phương khác nhau. Các thành viên của nhóm WWWG không chỉ tự nâng cao trình độ chuyên môn của mình, mà còn tham gia giảng dạy về quản lý ĐNN trong những khóa đào tạo sau đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của CRES và Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN. Đến nay, đã đào tạo được 6 cử nhân, 5 cao học và 2 tiến sĩ về ĐNN hoặc liên quan đến ĐNN. Ngoài ra, còn đào tạo nhiều cán bộ tham gia lớp ngắn hạn (3 tháng, 6 tháng, 1 năm về quản lý và sử dụng khôn khéo ĐNN).

Bên cạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, Trung tâm CRES nói chung, WWWG nói riêng



đã tham gia tích cực vào việc viết Dự thảo Chiến lược ĐNN Việt Nam và Chương trình ĐNN Việt Nam dưới sự chủ trì của Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường; tham gia soạn thảo Nghị định 109 và Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/2003/NĐ-CP về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng ĐNN thông qua Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường; và:

Góp phần xây dựng các mô hình sử dụng khôn khéo và phát triển bền vững ĐNN tại những vùng ĐNN quan trọng bên cạnh mô hình ao tôm sinh thái và nuôi ong trong rừng ngập mặn.

Góp phần xây dựng các chính sách khuyến khích người dân tham gia bảo tồn và phát triển bền vững các vùng ĐNN.

Góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu về các vùng ĐNN quan trọng.

Góp phần quy hoạch phân vùng ĐNN ven biển cũng như nội địa để quản lý và sử dụng bền vững trên cơ sở dựa vào cộng đồng.

Góp phần nâng cao nhận thức và năng lực cho những bên liên quan đến ĐNN để đẩy mạnh quản lý liên ngành, sử dụng bền vững và bảo tồn những hệ sinh thái ĐNN mang tầm quan trọng quốc tế.

Góp phần khoan định thêm những vùng ĐNN có tầm quan trọng quốc tế của Việt Nam thành các Khu RAMSAR (25 vùng đến năm 2010, theo Cục Bảo vệ Môi trường).

Góp phần nghiên cứu tìm phương pháp thích hợp cho hồi phục những vùng ĐNN đã bị suy thoái, đặc biệt là rừng ngập mặn sau nuôi tôm, v.v....

ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Là một đất nước có bờ biển dài trên 3.000 km, có nhiều sông suối, ao, hồ, đầm lầy, ruộng lúa..., ĐNN Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, cũng như nhiều nước trên thế giới, các hệ sinh thái rất quan trọng này đang bị suy giảm một cách nghiêm trọng cả về chất và lượng do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc hiểu biết về giá trị cũng như các chức năng, dịch vụ của chúng còn hạn chế, các cơ sở dữ liệu dùng cho công tác quy hoạch và quản lý còn nhiều bất cập. Thêm vào đó, năng lực để nghiên cứu và quản lý, bảo tồn của Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế. Để góp phần vào việc tăng cường công tác quản lý bảo tồn và sử dụng khôn khéo các vùng đất ngập nước, nghiên cứu và quan trắc các loài chim di cư, trong những

năm tới, Nhóm Nghiên cứu ĐNN của CRES sẽ tập trung vào các hoạt động sau:

Góp phần tiếp tục kiểm kê ĐNN, nhất là vùng miền Trung, Tây Nguyên và dọc các hệ thống sông miền Trung, nhằm sử dụng chúng vào việc giảm lũ hạ lưu, bảo vệ ĐDSH.

Duy trì hoạt động đeo vòng chim trong khuôn khổ các hợp tác quốc tế.

Góp phần đánh giá tác động môi trường, kinh tế, xã hội của dự án nuôi tôm công nghiệp trong rừng ngập mặn và trên cát ven biển miền Trung, làm cơ sở cho Nhà nước quyết định phát triển tương lai của ngành kinh tế quan trọng này một cách hợp lý về môi trường và hiệu quả kinh tế.

Tiếp tục tham gia đào tạo cán bộ chuyên ngành ĐNN để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị liên quan đến sử dụng và quản lý ĐNN trên phạm vi cả nước.

Xây dựng mạng lưới bảo tồn đồng bằng sông Hồng: “Mạng lưới Bảo vệ Đồng bằng sông Hồng”.

Xuất bản một cuốn sách chuyên khảo về đất ngập nước – Quản lý và bảo tồn.

Tiến tới thành lập Hội (hoặc Phân hội trực thuộc VACNE) Đất ngập nước Việt Nam do một số cán bộ liên quan của CRES làm nòng cốt.

Góp phần bảo tồn và quản lý bền vững ĐNN Hà Nội.

Tiếp tục đào tạo các cán bộ chuyên ngành về đất ngập nước cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các trường đại học và các viện nghiên cứu.

THAY CHO LỜI KẾT

Trên đây là một số hoạt động trong lĩnh vực ĐNN của WWF nói riêng và của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung. Rất mong được các đồng nghiệp, các cá nhân và cơ quan, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các địa phương và cộng đồng có liên quan chia sẻ, hỗ trợ và hợp tác, để những hoạt động này của CRES đạt được những kết quả to lớn hơn nữa trong thời gian tới.

LUÔN ĐI TIÊN PHONG TRONG NGHIÊN CỨU MIỀN NÚI: HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NHÓM CÔNG TÁC MIỀN NÚI

GS.TS. Lê Trọng Cúc

Nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

Ngay từ những ngày đầu thành lập (năm 1985), Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường đã tham gia vào các hoạt động nghiên cứu về miền núi và trung du phía Bắc. Trung tâm đã tham gia Chương trình cấp Nhà nước “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường” (5202) với nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng các hệ sinh thái mới có năng suất sinh học cao ở vùng trung du Việt Nam”. Trong chương trình này, Trung tâm đã tập trung nghiên cứu các mô hình nông lâm kết hợp - RVAC, chủ yếu là ở Vĩnh Phú (cũ). Nghiên cứu của Trung tâm cho thấy, cấu trúc của mô hình RVAC ở vùng đồi thì rừng thường được bố trí ở phần đỉnh đồi. Nằm giữa rừng và vườn nhà ở chân đồi là sườn đồi, thường được bố trí cây công nghiệp như chè hay cây nông nghiệp như lúa, ngô, sắn, v.v... theo đường đồng mức. Chân đồi thường phát triển vườn nhà theo mô hình VAC. Vườn nhà thường hỗn hợp nhiều loài cây ăn quả như mít, vải, nhãn, hồng, bưởi, v.v..., các loại rau đậu, chuối, ao nuôi cá, chuồng nuôi lợn, trâu bò. Cuối cùng là lũy tre bao đồi, bảo vệ đất chống xói mòn, bồi lắng hồ đập, ruộng lúa trong thung lũng, vừa cho nguyên liệu làm đồ mỹ nghệ. Mô hình RVAC rất hứa hẹn cho vùng đồi núi, trong đó trồng rừng hỗn loài, tái sinh rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn trên đỉnh đồi là giá trị nhất đối với môi trường. Rừng hỗn loài, phức tạp, rất thích hợp về mặt sinh thái, điều hòa chế độ thủy văn. Nghiên cứu này của Trung tâm trong khuôn khổ Chương trình 5202, đã góp phần xây dựng chính sách của Nhà nước nhằm giảm xói mòn, tăng cường phòng hộ, cung cấp củi đun, nguyên liệu giấy và xây dựng, v.v...

Năm 1989, Trung tâm đã tham gia Mạng lưới Nghiên cứu Hệ sinh thái Nông nghiệp các Trường Đại học Đông Nam Á - SUAN

(Southeast Asian Universities Agroecosystem Network). Các thành viên khác của Mạng lưới là các trường đại học nổi tiếng của Đông Nam Á như Đại học Losbanos (Philippin), Đại học Chiangmai và Khonkaen (Thái Lan), Đại học Jakarta (Indônêxia). Mạng lưới còn có sự tham gia của Trung tâm Đông - Tây (EWC) và Trường Đại học Berkeley của Hoa Kỳ.

Trong thời gian này, Trung tâm đã hợp tác với Mạng lưới SUAN tổ chức hàng loạt hội thảo khoa học về “Nhận thức về sinh thái nhân văn” và tổ chức các nghiên cứu thực địa sử dụng phương pháp tiếp cận sinh thái nhân văn bước đầu ở 3 huyện của tỉnh Vĩnh Phú. Sản phẩm của nghiên cứu này đã được xuất bản bằng 2 thứ tiếng Việt và Anh “Hệ sinh thái nông nghiệp trung du miền Bắc Việt Nam” (Agroecosystems of the Midlands of Northern Vietnam: A Report on a Preliminary Human Ecology Field Study of Three Districts in Vinhphu Province). Có thể nói đây chính là thời kỳ phát triển và lớn mạnh của Trung tâm về nghiên cứu miền núi và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu miền núi.

Nhận thấy tầm quan trọng của hướng nghiên cứu về miền núi, năm 1992, Trung tâm đã quyết định chính thức thành lập Nhóm Công tác Miền núi (UWG). Sau khi thành lập, Nhóm Công tác Miền núi đã tập trung vào các nghiên cứu sinh thái nhân văn và xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam. Đến năm 1994, Nhóm Công tác Miền núi đã mở rộng hợp tác với các trường đại học như Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Đại học Nông nghiệp I, Đại học Vinh và Đại học Nông Lâm Huế thành Mạng lưới Công tác Miền núi (UWN). Mạng lưới công tác miền núi đã tiến hành một loạt nghiên cứu toàn diện trên khắp vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ của Việt Nam.

Có thể kể đến các chương trình nghiên cứu dài hạn do Nhóm Công tác tiến hành từ 1994-2001:

Chương trình nghiên cứu *“Tác động của cải cách kinh tế lên phục hồi sinh thái ở trung du miền Bắc Việt Nam”* tại 3 huyện Thanh Hòa, Đuan Hùng và Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phú (cũ): Nghiên cứu này thực hiện trong khuôn khổ hợp tác với Mạng lưới SUAN. Sản phẩm chương trình nghiên cứu này được Trung tâm Đông - Tây (Honolulu, Hoa Kỳ) xuất bản bằng tiếng Anh *“Red Book, Green Hills: The Impact of Economic Reform on Restoration Ecology in the Midlands of Northern Vietnam”*. Các hoạt động khác được thể hiện trong các ấn phẩm như: Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường Bình Trị Thiên, 1996; Tiếp cận sinh thái nhân văn và phát triển bền vững miền núi Tây Nam Nghệ An, 1997; Sử dụng GIS và viễn thám trong đánh giá hiện trạng sử dụng đất ở huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, miền núi phía Bắc Việt Nam dưới quan điểm sinh thái và phát triển bền vững của người dân địa phương, 1995-1996; và Tác động của cải cách kinh tế lên thực tiễn sử dụng đất của nông dân trong ba bản người Thái ở vùng núi phía Bắc Việt Nam, 1997-1999.

Chương trình *“Nghiên cứu những xu hướng phát triển ở vùng núi phía Bắc Việt Nam”*: Đây là nghiên cứu tư vấn cho Bộ Nông nghiệp, được tiến hành theo hợp đồng với Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế của Thụy Điển (SIDA). Nhóm Công tác Miền núi đã phối hợp với Chương trình Môi trường của Trung tâm Đông - Tây tiến hành nghiên cứu này. Mục đích của nghiên cứu này là tạo ra sự hiểu biết tốt hơn về quá trình phát triển ở vùng núi rộng lớn phía Bắc Việt Nam, nhằm phân tích các yếu tố và cơ chế ở các cấp độ khác nhau từ hộ gia đình đến quốc gia đã ảnh hưởng tới việc quản lý tài nguyên như thế nào; đặc biệt là nhằm cung cấp sự hiểu biết tốt hơn về các động thái phát triển của các cộng đồng dân tộc vùng núi ở 5 tỉnh có chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam – Thụy Điển (FCP): Vĩnh Phú (cũ), Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang và Hà Giang. Sản phẩm của nghiên cứu này là cuốn sách *“Development Trends in Vietnams Northern Mountain Region: An Overview and Analysis”* do Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành vào năm 1997.

Chương trình nghiên cứu *“Quan trắc xu hướng phát triển vùng núi phía Bắc Việt Nam”* (Project on Monitoring Development Trends in Vietnams Mountain Region): Nghiên cứu này do Nhóm Công tác Miền núi thực hiện theo thỏa thuận giữa Chương trình phát triển Nông thôn Miền núi Việt Nam – Thụy Điển (MRDP) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Thụy Điển (SIDA), với sự cố vấn kỹ thuật của





Trung tâm Đông - Tây. Mục đích của nghiên cứu này là thu thập số liệu về điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường ở các cộng đồng mẫu được lựa chọn, đặc trưng cho sự đa dạng sinh thái nhân văn của vùng núi phía Bắc Việt Nam. Những số liệu này được thu thập và xây dựng, làm cơ sở cho việc theo dõi sự thay đổi của các cộng đồng trong tương lai, nhờ đó có thể kiểm soát được những xu hướng phát triển trong nhiều năm tiếp theo. Đây là nghiên cứu mang tính chiến lược với dụng ý để hiểu biết hơn về tình hình phát triển chung ở vùng núi phía Bắc. Sản phẩm của nghiên cứu này là hai cuốn sách: *"Vùng núi phía Bắc Việt Nam, một số vấn đề về môi trường và kinh tế-xã hội"* và *"Bright Peaks, Dark Valleys: A Comparative of Environmental and Social Conditions and Development Trends in Five Communities in Vietnams Northern Mountain Region"* do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội phát hành năm 2001.

Cuối năm 2002, Nhóm Công tác Miền núi đã tập hợp các nghiên cứu của nhóm, cùng với sự đóng góp của hơn 30 nhà khoa học và quản lý thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường trong cuốn *"Phát triển bền vững miền núi Việt Nam: 10 năm nhìn lại và những vấn đề đặt ra"* do Nhà Xuất bản Nông nghiệp phát hành.

Sau đó là thời kỳ các nghiên cứu về miền núi "chuyển vùng" vào miền Trung, mặc dù vẫn có một số nghiên cứu thực hiện tại vùng núi phía Bắc. Trong những năm gần đây, các hoạt động nghiên cứu miền núi chuyển sang hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào các hoạt động phát triển tại chỗ, như nâng cao năng lực quản lý và bảo tồn của khu bảo tồn thiên nhiên, đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương nhằm phục hồi hệ sinh thái và sử dụng đất rừng và các vùng đất bị suy thoái do chất độc trong chiến tranh. Chương trình *"Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững tài nguyên miền núi"* tại các vùng chịu ảnh hưởng của chất độc hóa học

tại miền Trung Việt Nam là chương trình dài hạn do Quỹ Ford tài trợ.

Nhìn lại 25 năm nghiên cứu phát triển miền núi Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường và Nhóm Công tác Miền núi đã trải qua những giai đoạn hoạt động với những thay đổi trong mục tiêu, phương hướng và khu vực nghiên cứu, nhằm đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của đất nước. Bắt đầu bằng những đề tài mang tính nhiệm vụ riêng lẻ, nằm trong các chương trình cấp Nhà nước, rồi từ đó xây dựng nên một tổ công tác nghiên cứu miền núi, hợp tác với nhiều tổ chức nghiên cứu trong nước và mở rộng hợp tác với các tổ chức nghiên cứu nước ngoài, thực hiện các đề tài có định hướng và có lý luận khoa học mang tính liên ngành, hệ thống, cơ bản và hàn lâm hơn, trên cơ sở lý thuyết sinh thái nhân văn. Kết quả nghiên cứu đã mang lại những hiểu biết về miền núi sâu sắc hơn, tường tận hơn và toàn diện hơn.

Tựu trung lại, thay đổi cơ cấu nhận thức là vấn đề cốt yếu. Để giải quyết vấn đề này, cần phải thiết lập một cơ sở có quy mô lớn hơn và có tầm ảnh hưởng rộng hơn ở cấp "viện". Cho đến nay, chúng ta chưa có một viện hay một cơ quan nghiên cứu tương ứng về miền núi. Các chủ trương, chính sách có nhiều, các dự án phát triển miền núi có nhiều, các chương trình hỗ trợ miền núi có nhiều, nhưng hầu như không có một cơ sở nghiên cứu chính thống nào cho miền núi, không có một chương trình nghiên cứu cơ bản, dài hạn nào cho miền núi có tính hệ thống, khâu nối các vấn đề lại với nhau để đề ra một chiến lược phát triển miền núi đồng bộ. Bởi vì, các nghiên cứu chuyên ngành chỉ mới thấy được triệu chứng của vấn đề, mà nghiên cứu các mối tương tác giữa các yếu tố mới thấy được xu hướng và tốc độ phát triển của toàn bộ hệ thống. Vì vậy, cần một cơ sở nghiên cứu có tính hệ thống cho miền núi. Không có các nghiên cứu này thì sẽ phát triển một cách mò mẫm, đơn lẻ, áp dụng một cách mơ hồ, ít có cơ sở khoa học.

BAN NGHIÊN CỨU HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN: QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

GS.TSKH. Phan Nguyên Hồng,
CN. Phan Hồng Anh

Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn
(MERD/CRES)



Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (Mangrove Ecosystems Research Division - MERD) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội (tiền thân của MERD là Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERC) trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1987-1995). Từ 1995, khi Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sát nhập vào Đại học Quốc gia Hà Nội, MERC sát nhập với Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) và MERC trở thành Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERD). Sau khi tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008, Trường Đại học Sư phạm thành lập lại MERC, một số cán bộ đang giảng dạy của Đại học Sư phạm Hà Nội chịu sự quản lý của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã quay lại làm việc cho MERC. Còn các cán bộ của MERD, trong đó có nhiều tiến sĩ được CRES gửi đi đào tạo tại Nhật Bản đã ở lại để tiếp tục xây dựng và phát triển MERD.

Trong thời gian từ 1995 đến nay, MERD đã tham gia nhiều hoạt động nghiên cứu, đào tạo của CRES và đặc biệt giao cho một số cán bộ trẻ chủ trì các đề tài cấp Trung tâm và Đại học Quốc gia Hà Nội, cử cán bộ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài và đi dự các lớp tập huấn trung hạn, ngắn hạn về bảo vệ, quản lý môi trường ven biển và rừng ngập mặn tại một số nước như Ấn Độ, Malaixia, Trung Quốc (Hong Kông), Thụy Điển, Canada..., tham gia công tác đối ngoại, hội đồng khoa học, đào tạo của CRES.

TỔ CHỨC CỦA MERD

Từ khi thành lập cho đến hết năm 2009, MERD hoạt động độc lập về nghiên cứu khoa học, hành chính, cơ sở vật chất và văn phòng tại 22 Lương Sử B, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Từ năm 2010, được sự hỗ trợ của CRES, MERD đã chuyển về địa điểm mới là 58 Ngõ Thịnh Hòa I, Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Hiện MERD có 9 cán bộ, với Ban lãnh đạo là những cán bộ còn rất trẻ tuổi đời: TS. Nguyễn Thị Kim Cúc (Trưởng ban), CN. Phan Hồng Anh (Phó Trưởng ban). Cố vấn của Ban là GS.TSKH. NGND. Phan Nguyên Hồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn

Trong những năm qua, nhờ sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ, MERD đã trực tiếp phối hợp với các tỉnh ven biển trồng và phục hồi được trên 3.000 ha rừng ngập mặn (RNM), cải tạo môi

trường và phòng tránh thiên tai cho nhân dân các xã vùng ven biển tại các tỉnh ven biển.

Ngoài ra, từ năm 1994-2008, cán bộ của MERD/MERC đã tư vấn và giúp đỡ về kỹ thuật cho Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam trồng mới và trồng dặm được hơn 20.000 ha rừng ngập mặn phòng ngừa thảm họa tại 8 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh do Hội Chữ thập Đỏ Đan Mạch và Hội Chữ thập Đỏ Nhật Bản tài trợ, thông qua Hội Trăng Lưỡi liềm Đỏ và Hội Chữ thập Đỏ Quốc tế tại Việt Nam.

MERD đã tham gia chủ trì đề tài cấp nhà nước "Nghiên cứu tính đa dạng sinh học vùng rừng ngập mặn ven biển Việt Nam" năm 1996-2000, thuộc Chương trình Nghiên cứu cơ bản về Khoa học tự nhiên của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (do GS. Phan Nguyên Hồng chủ nhiệm) và nhiều đề tài cấp bộ như "Nghiên cứu một số phương pháp tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của rừng ngập mặn cho cộng đồng dân cư ven biển" Mã số QMT.02-02, thực hiện năm 2002-2003, do



GS. Phan Nguyên Hồng chủ nhiệm. MERD cũng là đơn vị đã chủ trì nhiều đề tài hợp tác quốc tế và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ. Một trong những đề tài hợp tác quốc tế dài hạn là “Mangrove Ecosystems Communities and Conflict: Developing Knowledge Based Approaches to Reconcile Multiple Demands”, do EU tài trợ, thực hiện từ 2005 đến 2009, do GS. Phan Nguyên Hồng chủ trì.

TỔ CHỨC CÁC HỘI THẢO QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ

Ngay từ khi thành lập, MERD đã tiếp tục phương châm hoạt động trước đây của MERC là tập hợp các kết quả nghiên cứu về hệ sinh thái rừng ngập mặn ở các cơ quan, cá nhân qua các hội thảo quốc gia và xuất bản tuyển tập để có tài liệu tham khảo cho sinh viên sau đại học, có sách để trao đổi, giới thiệu với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học nước ngoài về những vấn đề Việt Nam đã, đang nghiên cứu liên quan đến hệ sinh thái rừng ngập mặn và đất ngập nước ven biển, qua đó có thêm nhiều thông tin trao đổi với các nước

khác về những lĩnh vực nghiên cứu mà không có điều kiện để mua.

Mục tiêu khác không kém phần quan trọng là tạo điều kiện cho các tác giả có nơi công bố công trình và có thể sử dụng hợp pháp trong quá trình thực hiện chế độ đào tạo sau đại học hoặc đăng ký chức danh giáo sư.

MERD đã xuất bản được 8 kỷ yếu hội thảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh với lượng thông tin có giá trị tham khảo rất cao cho những người quan tâm đến nghiên cứu RNM.

TRUYỀN ĐẠT THÔNG TIN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

MERD cũng rất quan tâm đến việc xuất bản các loại sách phổ biến kiến thức cho cộng đồng ven biển dưới dạng sách tranh ít chữ cho nông dân, ngư dân, sách tranh màu cho giáo viên làm đồ dùng dạy học và sách giáo khoa cho học sinh. Về sách tham khảo cho sinh viên, cán bộ nghiên cứu, MERD/ MERC đã tập hợp những kết quả nghiên cứu từ các luận án tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, kết quả nghiên cứu các đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ đã được nghiên cứu với sự đóng góp của nhiều tác giả trong 9 ấn phẩm sách. Ngoài ra, MERD còn là là đồng tác giả của 8 cuốn sách xuất bản ở nước ngoài bằng tiếng Anh (FAO, ISME/ITTO, UNESCO, JRC/IGES, Đại học Kyoto, GENDASTOSHO, United Union University) và tác giả của hơn 60 bài báo, báo cáo khoa học tại các hội thảo quốc gia, khu vực và quốc tế.

ĐÀO TẠO CÁC CÁN BỘ KHOA HỌC CÓ TRÌNH ĐỘ TRÊN ĐẠI HỌC

MERD phối hợp với Khoa Sinh – Kỹ thuật Nông nghiệp, Đại học Sư phạm Hà Nội đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ Sinh học liên quan đến hệ sinh thái rừng ngập mặn, Mã ngành Sinh thái học. Đã đào tạo được 10 thạc sĩ, 5 tiến sĩ Sinh thái học

rừng ngập mặn, một số đã trở thành cán bộ cốt cán của các trường đại học, viện và trung tâm nghiên cứu.

Bên cạnh đó, MERD đã gửi được 10 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ Sinh học ở Nhật Bản (1996-2007), 2 thạc sĩ ở Anh và Ôxtrâyliya, 12 lượt cán bộ đi tập huấn ở một số nước (Ấn Độ, Canada, Thụy Điển, Thái Lan, Hồng Kông, Malaixia...) từ 2 tuần đến 3 tháng.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Giúp đỡ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ xây dựng, thẩm định các dự án về trồng rừng chắn sóng, nuôi tôm trong vùng rừng ngập mặn và chỉ đạo kỹ thuật cho các địa phương trong việc thực thi dự án trên cơ sở sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường ven biển từ 1992 đến nay.

Hợp tác và tiếp nhận sự giúp đỡ về kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các nước, các nhà khoa học có hảo tâm để nghiên cứu các đề án liên quan về sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường ven biển, nhằm cải thiện và nâng cao tình hình kinh tế-xã hội ở các địa phương.

Viết các tài liệu phổ biến kiến thức, giáo dục về sử dụng bền vững và bảo vệ môi trường ven biển, chủ yếu là vùng có rừng ngập mặn để phát triển cho các đối tượng trên.

Tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân, ngư dân, giáo viên, học sinh về lợi ích của rừng ngập mặn, kỹ thuật nuôi hải sản và trồng, làm vườn ươm rừng ngập mặn ở các địa phương (với sự tài trợ về kinh phí của các tổ chức phi chính phủ). Từ 1995 đến 2003, đã tổ chức được 200 lớp ở các xã thuộc 10 tỉnh ven biển có rừng ngập mặn.

Tổ chức 5 chương trình “Giao lưu trồng rừng ngập mặn với Công ty Bảo hiểm Hàng hải và Hỏa hoạn (Tokio Marine & Nichido) và Tổ chức ACTMANG (Nhật Bản)” tại các xã ven biển Hải Phòng (1998, 2005), Thanh Hóa (2000), Khánh Hòa (2008) và Quảng Ninh (2010).

Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về lợi ích của rừng ngập mặn cho cộng đồng và trường học các vùng ven biển có rừng ngập mặn: Đã tổ chức được 16 đợt triển lãm di động “Vì màu xanh rừng ngập mặn” ở các xã ven biển; tổ chức cho học sinh giỏi, học sinh con gia đình chính sách học khá của 14 trường ven biển Thái Bình, Nam Định đến tham quan học tập ở Trạm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn.

Tháng 12 năm 2009, nhờ sự hỗ trợ về kinh phí từ Giải thưởng Quốc tế COSMOS (ICP) 2008 dành tặng cho GS. Phan Nguyên Hồng, MERD đã tổ chức một đợt tuyên truyền





giáo dục và thi tìm hiểu về phục hồi rừng ngập mặn có hiệu quả cao tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Một số cán bộ chủ chốt đã tham gia các hội đồng thẩm định, hội đồng nghiệm thu các đề án, đề tài cấp Nhà nước và cấp bộ về đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, sử dụng bền vững đất ngập nước, đánh giá tác động môi trường; tham gia xây dựng các chính sách, chiến lược, nghị định về sử dụng bền vững đất ngập nước; xây dựng Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, dự thảo Luật Đa dạng sinh học, Hội đồng Tư vấn về chất độc hóa học do Ban Chỉ đạo Văn phòng 33 chủ trì, tham gia tích cực việc chuẩn bị để UNESCO/MAB công nhận một số khu sinh quyển ở Việt Nam.

Từ ngày 23-25/11/2010, nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, MERD phối hợp với Ban Quản lý Rừng phòng hộ Cần Giờ sẽ tổ chức Hội thảo Quốc gia “Phục hồi và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu” tại huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2015

MERD sẽ phối hợp với các cơ quan nghiên cứu trong, ngoài nước, các địa phương (Tổng cục Môi Trường, Viện Khoa học Lâm nghiệp, Viện Nghiên cứu Hải sản, Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản, các sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, các sở tài nguyên và môi trường, các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên ven biển...) để nghiên cứu về đa dạng sinh học trong hệ sinh thái RNM, phục hồi RNM, đặc biệt là các rừng phòng hộ, sử dụng bền vững tài nguyên, môi trường vùng ven biển có rừng ngập mặn, lượng hóa kinh tế hệ sinh thái RNM và nghiên cứu vai trò của RNM ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đồng thời, MERD cũng sẽ tiếp tục giúp đỡ các địa phương ven biển về quy hoạch và kỹ thuật phục hồi, quản lý RNM và đặc biệt là việc thực hiện phục hồi RNM trong các ao tôm suy thoái bỏ hoang hóa và trồng, phục hồi RNM bằng công nghệ và kỹ thuật cao tại vùng ven biển miền Trung thường xuyên bị lũ bão và sạt lở đe dọa.

MERD đã, đang và sẽ thực hiện hoạt động tư vấn, hướng dẫn về kỹ thuật cho các địa phương phát triển vườn ươm cây ngập mặn phục vụ cho việc trồng và phục hồi RNM tại các địa phương ven biển.

Việc mở rộng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và tập huấn cho cán bộ các địa phương về lợi ích rừng ngập mặn ở địa phương, nơi đang có sự tranh chấp giữa nghề nuôi tôm và bảo vệ sử dụng bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn, khi các địa phương hoặc các cơ quan tài trợ có yêu cầu là một trong những hoạt động quan trọng trong chiến lược lâu dài của MERD. Tập huấn cán bộ cho Dự án Hệ thống thông tin quản lý RNM – Công cụ trong nghiên cứu làm giảm tác động của sự thay đổi khí hậu dọc theo đường bờ biển phía Bắc Việt Nam do Phòng Quản lý Đê điều và Kiểm soát Bão lũ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì (DANIDA tài trợ) trong thời gian tới.

MERD sẽ tiếp tục truyền thống xây dựng tài liệu tuyên truyền, xuất bản sách và tuyển tập hội thảo về hệ sinh thái rừng ngập mặn.

A large flock of white birds, possibly terns, is captured in flight over a mangrove forest. The birds are scattered across the sky and some are perched on the trees. The mangrove forest is lush and green, situated along a body of water that reflects the sky and the birds. The background shows a hazy horizon with distant mountains under a blue sky with light clouds.

PHẦN III
GẮN BÓ VỚI TRUNG TÂM

“CÁI SỰ HỌC” CỦA TÔI VÀ ĐÔI ĐIỀU TÂM SỰ

NCS. Trần Anh Tuấn

Trường Đại học Khoa học Huế

Đã gần 20 năm trôi qua kể từ ngày tôi háo hức bước lên nhận tấm bằng tốt nghiệp Cử nhân Sinh học của mình. Cứ tưởng rằng con đường học vấn đã chấm dứt ngang đây khi tôi chọn thương trường làm nơi “lạc nghiệp”, thế nhưng không hiểu sao “cái sự học” lại đeo bám mình dai dẳng đến vậy. Trong khoảng thời gian 1992-1995, công việc kinh doanh của tôi tiến triển khá thuận lợi, nhưng tôi vẫn quyết định gác sang một bên để tiếp tục học Cử nhân Anh ngữ và Quản trị kinh doanh. Nhiều người chê tôi học tản mạn, không tập trung cho chuyên môn, nhưng cái sở đoản này cũng là sở thích của tôi. Trong cuộc sống cũng như ở chốn học đường, tôi luôn thiên về cách tiếp cận một vấn đề từ nhiều góc cạnh khác nhau để có một cái nhìn dung hòa và bao quát. Quyết định chọn học theo hướng đa ngành thế này đã tạo cho tôi nhiều điều kiện thuận lợi trong bước đường học vấn tiếp theo.

Rời trường đại học sau hơn 9 năm dùi mài kinh sử, tôi được nhận làm một chân biên dịch trong Công ty Liên doanh Việt – Mỹ Quảng Trị. Sau 2 năm công tác, đúng lúc tôi được bổ nhiệm làm trợ lý cho ông Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chính là lúc tôi nhận được quyết định của Chính phủ Ôxtrâyliá để theo học chương trình Thạc sĩ tại Đại học Queensland. Tôi khấn gói lên đường với một tâm trạng hăm hở và háo hức, bởi đây là lần đầu tiên tôi được ra nước ngoài. Ngành tôi chọn học là Thạc sĩ Quản lý môi trường. Lựa chọn này cũng khá phù hợp với các ngành mà tôi đã học trước đây bởi công tác quản lý môi trường luôn yêu cầu một cách tiếp cận mang tính đa ngành và liên ngành cao.

Hoàn tất chương trình cao học, tôi xin về giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học Huế và tự nhủ: “Đã lớn tuổi rồi, thôi, không học nữa”. Bốn năm tiếp theo là quãng thời gian tôi chỉ tập trung cho nhiệm vụ đào tạo. Thế nhưng khi đã là một giảng viên đại học thì tôi chưa thể hài lòng với những gì đã có. Lại phải học nữa thôi!! Thế nhưng sẽ học ở đâu? Nếu tiếp tục ra nước ngoài thì gia đình tôi không đồng ý vì phải xa nhà khá lâu. Các đồng nghiệp khuyên tôi nên học hoặc ở Khoa Môi trường, Đại học Khoa học Tự nhiên, hoặc ở Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Chọn nơi nào để học đây? Sự lưỡng lự này làm tôi mất khá nhiều thời gian. Lúc đầu tôi nghiêng về Khoa Môi trường bởi các giáo sư ở đây thường được mời vào thỉnh giảng ở trường tôi.

Trong khi đang phân vân trong việc lựa chọn thì tôi có dịp làm việc với Trung tâm trong khuôn khổ Dự án PIP (Principles in Practice, Canada). Ấn tượng ban đầu của tôi về Trung tâm là đội ngũ cán bộ trẻ rất thân thiện, nhiệt

tình và được đào tạo nghiêm túc từ các chuyên ngành khác nhau. Tôi cũng đặc biệt ấn tượng với năng lực chuyên môn và phong cách giao tiếp của của Ban Giám đốc, cả trong đối nội lẫn đối ngoại. Họ còn khá trẻ, năng động, đầy nhiệt huyết và luôn xem tôi như là một người em thân thiết để tận tình chỉ bảo. Quyết định tìm hiểu thêm về Trung tâm, tôi được biết rằng ở đây quy tụ khá nhiều giáo sư danh tiếng. Họ là những người thầy mà tôi đã ngưỡng mộ từ lâu nhưng chưa có dịp tiếp xúc. Còn nhớ cách đây hai năm, trên chuyến bay từ Hà Nội vào Huế, tôi làm quen với một du khách người Ôxtrâyliya. Khi biết được tôi đang công tác trong lĩnh vực môi trường, bà du khách lấy ra một cuốn Tạp chí Time, chỉ vào một bức ảnh và hỏi tôi có biết “Anh hùng môi trường” này không? Tôi tự tin trả lời rằng đấy là thầy của tôi, mặc dù tôi chưa bao giờ được ngồi trong lớp học của thầy Võ Quý và được nghe thầy giảng bài.

Khi chính thức tiếp xúc với chương trình đào tạo tiến sĩ của Trung tâm, tôi thực sự thích thú vì chương trình học rất mềm dẻo, mang tính đa ngành, liên ngành cao. Trong buổi bảo vệ đề cương luận án, các giáo sư trong hội đồng chất vấn và góp ý cho tôi khá nhiều về đề tài nghiên cứu liên quan đến tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước cấp đô thị. Mới nhìn thoáng qua, đề tài trông có vẻ ít liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, sau khi tôi phân tích các khía cạnh môi trường liên quan, các giáo sư đã đồng ý với đề tài và giới thiệu cho tôi một giáo sư hướng dẫn ở Đại học Thủy lợi. Thì ra mạng lưới cộng tác trong đào tạo của Trung tâm khá rộng. Các cộng tác viên của Trung tâm trong các dự án và các hoạt động nghiên cứu khoa học có mặt ở hầu khắp các tỉnh thành. Tôi rất tâm đắc với loại hình đào tạo như thế này, bởi xét cho cùng, công tác bảo vệ môi trường luôn đòi hỏi một cách tiếp cận tổng hợp và liên ngành rất cao.

Ngoài mạng lưới cộng tác trong nước, Trung tâm còn có các mối quan hệ hợp tác rất rộng rãi với các tổ chức và các trường đại học quốc tế. Đây là điều kiện thuận lợi để tôi được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ở nước ngoài. Trong chương trình hợp tác với các trường đại học của Nhật Bản, tôi được Trung tâm cử đi tham gia khóa đào tạo 1 năm về “Chính sách phát triển bền vững trong quan hệ quốc tế” tại Đại học Ritsumeikan. Chương trình đã cung cấp một khối lượng kiến thức liên ngành rất hữu ích bao gồm xã hội, kinh tế, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, chính sách môi trường ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và các thành viên khối ASEAN... Đây cũng là quãng thời gian tôi tập trung để viết luận án của mình và đã hoàn thành được một số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Nhằm khuyến khích học viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và nâng cao năng lực chuyên môn, tôi còn được Ban Giám đốc của Trung tâm tạo điều kiện tham gia các hội nghị và hội thảo trong nước cũng như quốc tế. Cuối năm 2007, tôi được Trung tâm cử đi Viên Chăn (Lào) tham gia Hội thảo tập huấn về Quản lý tổng hợp lưu vực do Inwent và GTZ (Đức) đồng tổ chức. Nội dung của lớp tập huấn này có liên quan chặt chẽ đến đề tài luận án của tôi bởi quản lý nhu cầu sử dụng nước cũng là một nội dung quan trọng của công tác quản lý lưu vực. Ngoài ra, bài tham luận của tôi về “Quản lý nhu cầu nước ở vùng duyên hải miền Trung” đã được Trung tâm tạo điều kiện trình bày tại Hội thảo quốc tế Việt Nam học Lần thứ III, trong Tiểu ban Tài nguyên thiên nhiên, môi trường và phát triển bền vững. Đây là cũng Tiểu ban mà phần lớn do các giáo sư của Trung tâm chủ trì và điều khiển.

Mặc dù chưa hoàn tất chương trình học, nhưng tôi luôn cảm thấy rất vinh dự và tự hào khi đã trở thành một thành viên của Trung tâm. Chất lượng đào tạo và uy tín của Trung tâm đang ngày càng được khẳng định qua các dự án, các công trình nghiên cứu và qua con số học viên sau đại học ngày càng tăng cao. Chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn và tôi tự nhủ sẽ không bao giờ từ bỏ “cái sự học” của mình để luôn xứng đáng là một học viên, một thành viên tích cực và nhiệt huyết của Trung tâm.

Phúc mừng

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI: 25 NĂM XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN

GS.TSKH. Đặng Huy Huỳnh

Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật

Kính thưa các vị Lãnh đạo qua các thời kỳ cùng toàn thể cán bộ, viên chức Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Với tư cách là cộng tác viên lâu năm của CRES, ĐHQGHN, tôi vô cùng phấn khởi được tham dự lễ Kỷ niệm 25 năm thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường. Từ đáy lòng chân thành của một cán bộ khoa học, tôi cảm ơn CRES đã mời và công nhận tôi là cộng tác viên của Trung tâm ngay từ những ngày đầu thành lập năm 1985 của Thế kỷ thứ XX.

Nhân dịp ngày lễ long trọng kỷ niệm 25 năm ngày thành lập một cơ quan khoa học nghiên cứu về lĩnh vực tài nguyên và môi trường xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng đúng vào dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội: Thủ đô văn hiến, thành phố vì hòa bình, hòa quyện niềm vui lớn lao đó, tôi xin được kính chúc toàn thể các thầy, cô, các nhà khoa học, các nhà quản lý qua các thế hệ của CRES thật dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt trong việc xây dựng và phát triển Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN ngày càng lớn mạnh không ngừng.

Trong không khí trang nghiêm của lễ Kỷ niệm, hồi tưởng lại những ngày đầu của thập kỷ năm 80 của Thế kỷ XX, trong một ngôi nhà xinh xắn của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội năm xưa, tại 19 Lê Thánh Tông, Hà Nội, GS. Võ Quý cùng với sự đồng thuận cao của một số nhà khoa học đã đề xuất thành lập Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, nay là ĐHQGHN.

Đây là một đề xuất rất phù hợp, một sáng kiến đáng được trân trọng, vì đây là cơ quan khoa học đầu tiên trong ngành giáo dục ở nước ta đi chuyên sâu nghiên cứu lĩnh vực tài nguyên và môi trường với mục tiêu điều tra, hiểu biết, đánh giá hiện trạng các dạng tài nguyên thiên nhiên và hiện trạng môi trường, nhằm đề xuất các giải pháp ngăn ngừa và khắc phục, trong bối cảnh các hoạt động kinh tế, khai thác tài nguyên quá mức không dựa trên cơ sở khoa học, cùng với các tai biến tự nhiên xảy ra thường xuyên do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Điều không

kém phần quan trọng là sự nhận thức về vai trò chức năng quan trọng của môi trường và đa dạng sinh học đối với cuộc sống trong bộ phận cán bộ và nhân dân còn hạn chế. Do đó, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, đến các hệ sinh thái, đặc biệt đối với các nguồn tài nguyên sinh vật ngày càng bị suy giảm nghèo kiệt, thậm chí một số nguồn gen động vật, thực vật, vi sinh vật đặc hữu quý, hiếm bị mất dần. Trước tình hình đó, việc suy nghĩ và hành động cho mục tiêu cao cả là bảo vệ môi trường tự nhiên của Việt Nam được khỏe mạnh, trong sạch để cho thế giới sinh vật, kể cả con người được tồn tại và phát triển bền vững. Suốt 25 năm qua, các thế hệ thầy trò, các nhà khoa học, cán bộ viên chức của CRES đã thể hiện sự phấn đấu không mệt mỏi, phấn đấu bền bỉ với cái tâm, đạo lý của các nhà khoa học, luôn luôn nghiên cứu, sáng tạo, tìm ra những giải pháp bảo đảm tính khoa học để xây dựng các mô hình phục hồi lại sự sống, tạo dựng những mầm xanh tươi tốt cho những vùng đất đồi trọc trở sỏi đá của vùng gò đồi Vĩnh Phú, của các dãy đất miền Trung khắc nghiệt ở Quảng Trị, Hà Tĩnh... cùng với việc vun xới các mầm xanh, đâm chồi nẩy lộc ở các vùng đất ngập nước nội địa ở Đồng Rui, Tiên Yên – Quảng Ninh, Giao Thủy, Thái Bình, Nam Định cho đến các khu rừng ngập mặn các tỉnh ven biển miền Trung và tận đất mũi Cà Mau. Những kết quả đó đã đóng góp vào những lợi ích xã hội là không nhỏ. Song song với sự nghiệp nghiên cứu khoa học, CRES còn tiến hành sự nghiệp đào tạo nâng cao tri thức cho nhiều cán bộ nghiên cứu, quản lý ở các cơ quan.

Thực vậy, trong suốt thời gian qua, CRES đã triển khai mô hình kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ sau khi tốt nghiệp đại học ra làm công tác. CRES đã được phép của ĐHQGHN mở nhiều khóa đào tạo về lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững, lĩnh vực hoàn toàn mới đối với Việt Nam. Tuy vậy, với sự cố gắng phấn đấu, CRES đã đào tạo hàng trăm cán bộ có trình độ, có năng lực cho nhiều cơ quan quản lý, cho các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên. Đây là sự đóng góp to lớn và vô cùng có ý nghĩa đối với lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững.

Thật đáng khâm phục và trân trọng sự thành công nổi bật của CRES từ chỗ mới ngày đầu thành lập cơ sở vật chất hầu như chưa có gì, chỉ có chất xám là giàu có, phong phú. CRES đã biết sử dụng sức mạnh tổng hợp, hợp tác quy tụ cái vốn sẵn có của các nhà khoa học trong nước và các chuyên gia quốc tế. Cho đến nay, CRES đã có nhiều thiết bị máy móc phục vụ cho nghiên cứu và đào tạo. Rõ ràng rằng trong suốt 25 năm qua, sự phấn đấu vươn lên của CRES đã đạt hiệu quả tốt đẹp. Với cái tuổi thanh xuân đầy sáng tạo, cái tuổi dám nghĩ dám làm, chắc chắn các nhà khoa học trẻ của CRES sẽ có đầy đủ năng lực, để thực hiện tốt nhiều nhiệm vụ khoa học, quan trọng do ĐHQGHN và các cơ quan quản lý Nhà nước giao phó. Đó là niềm tin của chúng tôi, những người cộng tác viên của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường.

Một lần nữa, nhân dịp ngày lễ long trọng này, tôi xin kính chúc các vị lãnh đạo qua các thế hệ, toàn thể cán bộ, viên chức của Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội thật mạnh khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành tích trong sự nghiệp nghiên cứu và đào tạo.

Xin trân trọng chúc mừng và cảm ơn!

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: PHAN HỒNG ANH
Vị trí công tác: Phó ban Nghiên cứu HST RNM
Địa chỉ liên hệ: Email: phananh1977@yahoo.com
ĐT: 0975779999
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Rừng ngập mặn
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý và phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn
Tổng số công trình: 11 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: LÊ THẠCH CÁN
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: lethaccan@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Tài nguyên nước
Lĩnh vực hoạt động: Đánh giá tác động môi trường;
Đánh giá môi trường chiến lược;
Quản lý môi trường
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: LÊ TRỌNG CÚC
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: lecuc2006@vnn.vn
ĐT: (04) 36412803
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học; Sinh thái nhân văn
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý tài nguyên thiên nhiên miền núi;
Sinh thái học; Sinh thái nhân văn; Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên
Tổng số công trình: Trên 168 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; 1 giáo trình; 16 sách chuyên khảo



Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM CÚC
Vị trí công tác: Trưởng ban Nghiên cứu HST RNM
Địa chỉ liên hệ: Email: kimcuc76@yahoo.com
ĐT: (04) 37335.625
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu và giảng dạy
Tổng số công trình: 14 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: QUẢN THỊ QUỲNH ĐÀO
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: qtquynhdao@yahoo.com
ĐT: 0953418698
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Ngôn ngữ học
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý và bảo tồn rừng ngập mặn
Tổng số công trình: 8 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: LÊ DIÊN DỤC
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: ldduc@fpt.vn
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn đa dạng sinh học; Đất ngập nước; Phát triển cộng đồng
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh, giáo trình, sách tham khảo, sách nâng cao nhận thức; 1 bằng độc quyền giải pháp hữu ích về hồi phục rừng ngập mặn do Cục sở hữu công nghiệp bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp năm 1999

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: LÊ HƯƠNG GIANG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: giangleh@hotmail.com
ĐT: (04)37335625
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Dân số duy truyền học;
Đa dạng sinh học
Tổng số công trình: Trên 5 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VÕ THANH GIANG
Vị trí công tác: Trưởng phòng QL KH-CN&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: vtgiang@cres.edu.vn
vtgiangcres@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Quản lý và phát triển tài nguyên
Lĩnh vực hoạt động: Phát triển bền vững; Phát triển cộng đồng; Phát triển và quản lý lâm sản ngoài gỗ
Tổng số công trình: 19 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: NGUYỄN MẠNH HÀ
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: ha@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Lâm nghiệp/Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Đa dạng sinh học và Bảo tồn thiên nhiên
Tổng số công trình: 48 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VŨ THỤC HIỀN
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: vuthuchien@yahoo.com
ĐT: 01687451546
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Hệ sinh thái RNM; Quản lý Môi trường; Khoa học Môi trường
Lĩnh vực hoạt động: Hệ sinh thái RNM; Quản lý Môi trường; Khoa học Môi trường
Tổng số công trình: 5 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VŨ THỊ MINH HOA
Vị trí công tác: Trợ lý giám đốc
Địa chỉ liên hệ: Email: hoa@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Sinh học; Quản lý tài nguyên
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học; Đất ngập nước và tài nguyên nước



Họ và tên: TRƯỜNG QUANG HỌC
Vị trí công tác: Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: hoctq@hotmail.com
ĐT: 0913247972
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học
Chuyên môn: Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Sinh thái-Sinh lý côn trùng; Sinh học môi trường; Phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu
Tổng số công trình: 115 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: PHAN NGUYỄN HỒNG
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: merd@vnn.vn
ĐT: (04) 37335625
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý và phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: HÀ THỊ THU HUẾ
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên, phụ trách giáo vụ
Địa chỉ liên hệ: Email: hue@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Quản lý kinh tế
Lĩnh vực hoạt động: Du lịch sinh thái;
Quản lý kinh tế



Họ và tên: LÊ THỊ VÂN HUỆ
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: huetle2002@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Nông nghiệp và phát triển nông thôn
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý và phát triển cộng đồng;
Biển đổi khí hậu; Phát triển nông thôn
Tổng số công trình: 15 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: PHẠM VIỆT HÙNG
Vị trí công tác: Trưởng phòng HC-TH
Địa chỉ liên hệ: Email: hung@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Địa lý, Địa chất
Lĩnh vực hoạt động: Quy hoạch và đánh giá tác động môi trường; Bảo tồn dựa vào cộng đồng
Tổng số công trình: 15 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VŨ THỊ DIỆU HƯƠNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: huongvudieu@yahoo.com
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Phát triển cộng đồng
Lĩnh vực hoạt động: Phát triển cộng đồng; Biến đổi khí hậu; Giáo dục và truyền thông môi trường
Tổng số công trình: 5 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VŨ THỊ HƯƠNG
Vị trí công tác: Thủ quỹ
Địa chỉ liên hệ: Email: huong@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Quản trị kinh doanh
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý tài chính; Hành chính tổng hợp

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: TRƯƠNG THỊ THANH HUYỀN
Vị trí công tác: Phó phòng QL KH-CN&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: huyen@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn đa dạng sinh học; Đất ngập nước; Phát triển cộng đồng



Họ và tên: ĐẶNG THỊ TÚ LOAN
Vị trí công tác: Phụ trách kế toán
Địa chỉ liên hệ: Email: loan@cres.edu.vn
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Kinh tế môi trường
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý tài chính; Hành chính tổng hợp



Họ và tên: BÙI THỊ HÀ LY
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: lybh Cres@gmail.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Công nghệ sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng



Họ và tên: HÀN TUYẾT MAI
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: hantuyetmai@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Quản lý Môi trường và Phát triển
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn Tài nguyên Thiên nhiên dựa vào cộng đồng; Phát triển Nông thôn
Tổng số công trình: 5 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: LÊ ĐỨC MINH
Vị trí công tác: Phó phòng QL KH-CN&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: minh.le.cres@gmail.com
ĐT: (04) 38262932
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Bảo tồn Đa dạng Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn Đa dạng Sinh học; Sử dụng GIS trong quản lý tài nguyên; Phát sinh loài và tiến hóa; Sinh học phân tử
Tổng số công trình: 15 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: TRẦN QUANG MINH
Vị trí công tác: Lái xe
Địa chỉ liên hệ: Email:
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Trung cấp
Chuyên môn: Lái xe
Lĩnh vực hoạt động:

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: PHAN THỊ MINH NGUYỆT
Vị trí công tác: Phó phòng HC-TH, phụ trách kế toán
Địa chỉ liên hệ: Email: nguyet75_cres@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Kế toán
Lĩnh vực hoạt động: Kế toán tài chính; Hành chính tổng hợp



Họ và tên: NGUYỄN HỮU NINH
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: cered@hn.vnn.vn
ĐT: 0903212087
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Môi trường; Biến đổi khí hậu
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: BÙI NGUYỄN PHỔ
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: bui_nguyen_pho@yahoo.com
ĐT: 0916525535
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Khoa học Môi trường
Lĩnh vực hoạt động: Đánh giá tác động môi trường



Họ và tên: TRẦN THỊ THU PHƯƠNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên chính
Địa chỉ liên hệ: Email: phuongtt_2003@yahoo.com
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Nghiên cứu phát triển quốc tế
Lĩnh vực hoạt động: Giới và phát triển cộng đồng
Tổng số công trình: 3 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt



Họ và tên: TRẦN MINH PHƯƠNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: cintapo@gmail.com
ĐT: 913321422
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Ngôn ngữ học
Lĩnh vực hoạt động: Truyền thông; Giáo dục môi trường
Tổng số công trình: 9 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VÕ QUÝ
Vị trí công tác: Chủ tịch danh dự Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: quyvo2006@gmail.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Động vật học; Sinh thái học và Bảo vệ môi trường
Lĩnh vực hoạt động: Bảo vệ thiên nhiên và các loài có nguy cơ bị tiêu diệt; Phát triển bền vững; Nghiên cứu hậu quả chiến tranh hóa học của Mỹ lên môi trường
Tổng số công trình: 162 báo cáo khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; 7 sách là tác giả và 11 sách là chủ biên hay đồng tác giả; 3 phim khoa học hợp tác với các hãng phim quốc tế và 2 phim là tác giả

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: PHẠM BÌNH QUYỀN
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: phambinhquyen@yahoo.com
ĐT: (04) 38582795
Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học côn trùng
Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu và giảng dạy về Sinh học; Sinh thái học; Sinh học bảo tồn; Đa dạng Sinh học; Bảo vệ môi trường
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: VÕ THANH SƠN
Vị trí công tác: Phó giám đốc
Địa chỉ liên hệ: Email: vtson@fpt.vn
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Địa lý; Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Lĩnh vực hoạt động: Phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình: 26 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; 2 sách chuyên khảo



Họ và tên: ĐÀO VĂN TẤN
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: daovantanvn@yahoo.com
ĐT: 0936696931
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Hóa sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Proteomics và sinh học phân tử; Sinh thái rừng ngập mặn; Giáo dục môi trường
Tổng số công trình: 12 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: HOÀNG VĂN THẮNG
Vị trí công tác: Giám đốc
Địa chỉ liên hệ: Email: tvhoang@fpt.vn
ĐT: (04) 3933 1747
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học; Quy hoạch môi trường
Lĩnh vực hoạt động: Sinh thái học và bảo tồn đất ngập nước; Đa dạng Sinh học và quản lý bảo tồn; Quy hoạch môi trường
Tổng số công trình: Trên 30 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh, 4 sách chuyên khảo



Họ và tên: ĐẶNG ĐÌNH THƯỜNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: thuongcres@yahoo.com
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Sinh học
Lĩnh vực hoạt động: Đa dạng sinh học và Bảo tồn thiên nhiên; Hành chính



Họ và tên: LÊ TRỌNG TOÁN
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: toancres@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Cử nhân
Chuyên môn: Quản lý kinh tế
Lĩnh vực hoạt động: Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Phát triển bền vững; Phát triển cộng đồng

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ



Họ và tên: TRẦN CHÍ TRUNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: trung.tran@cres.edu.vn
chitruong_cres@yahoo.com
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Sinh thái Nhân văn
Lĩnh vực hoạt động: Bảo tồn thiên nhiên; Hệ sinh thái nông nghiệp vùng cao; Phát triển bền vững
Tổng số công trình: 7 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: ĐÀO MINH TRƯỜNG
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: mr_truong@hotmail.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: NCS Tiến sĩ
Chuyên môn: Quản lý tài nguyên thiên nhiên;
Viễn thám; Hệ thống Thông tin Địa lý - GIS
Lĩnh vực hoạt động: Ứng dụng Viễn thám và GIS trong nghiên cứu; Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường
Tổng số công trình: 18 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; 1 sách chuyên khảo tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: ĐẶNG ANH TUẤN
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: tuanmaple@yahoo.ca
ĐT: (04) 38262932
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Rừng ngập mặn và Đất ngập nước ven biển
Tổng số công trình: 5 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: NGHIÊM PHƯƠNG TUYẾN
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: tuyenngkiem_cres@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên môn: Quy hoạch đô thị và khu vực; Khu vực học
Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu các khía cạnh kinh tế - xã hội và thể chế liên quan đến quản lý; Quản trị tài nguyên thiên nhiên.
Tổng số công trình: 10 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: PHẠM THỊ TƯỜNG VI
Vị trí công tác: Nghiên cứu viên
Địa chỉ liên hệ: Email: vivi25@yahoo.com
ĐT: (04) 38253506
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Chuyên môn: Quy hoạch đô thị và khu vực; Quy hoạch phát triển cộng đồng
Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu các khía cạnh kinh tế - xã hội và thể chế liên quan đến quản lý; Quản trị tài nguyên thiên nhiên
Tổng số công trình: 10 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh



Họ và tên: MAI ĐÌNH YÊN
Vị trí công tác: Ủy viên Hội đồng KH&ĐT
Địa chỉ liên hệ: Email: mdyen@hn.vnn.vn
ĐT: (04) 37473783
Học hàm, học vị: Giáo sư, Tiến sĩ
Chuyên môn: Sinh thái học
Lĩnh vực hoạt động: Động vật học; Sinh thái học; Bảo tồn Đa dạng sinh học
Tổng số công trình: Trên 100 báo cáo nghiên cứu khoa học tiếng Việt và tiếng Anh; 10 giáo trình và sách chuyên khảo

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. Hoàng Văn Thắng

Chịu trách nhiệm nội dung

ThS. Vũ Minh Hoa, TS. Nghiêm Phương Tuyến

Biên tập và sưu tầm

TS. Võ Thanh Sơn, CN. Lê Trọng Toán

Hình ảnh

Hoàng Văn Thắng, Phan Hồng Anh

Trình bày

Lê Hải, Hưng Hải

Khổ: 20.5cmx29,5cm

(Lưu hành nội bộ)





TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG,
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Địa chỉ: 19 Lê Thánh Tông, Hà Nội
Tel: 04. 3 826 2932; 04. 3 825 3506
Fax: 04. 3 826 2932
Website: www.cres.edu.vn